

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Hiếu
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG
MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG PHI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Hiếu
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc Hiếu

Mã SV: 1412401251

Lớp: QT1801K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

✓ Tìm hiểu lý luận về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

✓ Tìm hiểu thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi.

✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

✓ Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.

✓ Quy chế, quy định về kế toán - tài chính tại doanh nghiệp

✓ Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến tổ chức kế toán thanh toán tại công ty TNHH thương mại Tuấn Anh, sử dụng số liệu năm 2017 phục vụ công tác.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi.

Địa chỉ công ty: Số 3B/179 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 05 tháng 09 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 01 tháng 11 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Ngọc Hiếu

ThS. Trần Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Ths. Trần Thị Thanh Phương
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc Hiếu Chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Có ý thức tự giác trong công việc , nghiêm túc, thẳng thắn và có khả năng tiếp cận với thực tiễn doanh nghiệp
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
- Thái độ làm việc nghiêm túc, có khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập.
- Tuân thủ đúng yêu cầu và tiến độ thời gian, nội dung nghiên cứu đề tài cho giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống báo được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất - kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toán công tác kế toán của đơn vị thực tập,
- Những số liệu minh họa trong khóa luận có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán có độ tin cậy.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP | 3 |
| 1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán. | 3 |
| 1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua. | 6 |
| 1.2.1. Nguyên tắc thanh toán với người mua. | 6 |
| 1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người mua..... | 6 |
| 1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua..... | 9 |
| 1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán. | 1 1 |
| 1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán. | 1 1 |
| 1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người bán..... | 1 2 |
| 1.3.3.Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán..... | 1 4 |
| 1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ. | 1 8 |
| 1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán. | 1 8 |
| 1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ. | 1 9 |
| 1.5. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán..... | 2 0 |
| 1.6. Nhiệm vụ của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán. | 2 1 |
| 1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.. | 2 2 |
| 1.7.1. Nguyên tắc ghi sổ Nhật Ký Chung..... | 2 2 |
| 1.7.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung..... | 2 2 |
| CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG PHI | 2 4 |
| 2.1.Khái quát về công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi. | 2 4 |
| 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty..... | 2 4 |
| 2.1.2 Đặc điểm kinh doanh..... | 2 4 |
| 2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động. | 2 5 |

| | |
|---|-----------|
| 2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi..... | 2 5 |
| 2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi..... | 2 6 |
| 2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán | 2 6 |
| 2.1.5.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi | 2 7 |
| 2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi | 2 9 |
| 2.2.1. Kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi..... | 2 9 |
| 2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty | 41 |
| CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG PHI | |
| 53 | |
| 3.1. Đánh giá thực trạng thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi | 53 |
| 3.1.1. Ưu điểm | 53 |
| 3.1.2. Hạn chế | 54 |
| 3.2. Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi..... | 55 |
| 3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán..... | 55 |
| 3.2.2. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán với người mua, người bán tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi. | 56 |
| 3.2.2.1. Giải pháp 1: Tăng cường quản lý công nợ..... | 56 |
| 3.2.2.2. Giải Pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán | 61 |
| 3.2.2.3. Giải pháp 3: Dự phòng phải thu khó đòi..... | 63 |
| 3.2.2.4. Giải pháp 4: Sử dụng phần mềm kế toán và quản lý khách hàng. | 67 |
| KẾT LUẬN | 73 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 74 |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| STT | Cụm Từ đầy đủ | Chữ viết tắt |
|------------|---------------------------|---------------------|
| 1 | Trách nhiệm hữu hạn | TNHH |
| 2 | Đơn vị tính | ĐVT |
| 3 | Tài sản cố định | TSCĐ |
| 4 | Giá trị gia tăng | GTGT |
| 5 | Tiêu thụ đặc biệt | TTĐB |
| 6 | Tài khoản | TK |
| 7 | Bán hàng | BH |
| 8 | Cung cấp dịch vụ | CCDV |
| 9 | Phương pháp | PP |
| 10 | Giá vốn hàng bán | GVHB |
| 11 | Thành phẩm | TP |
| 12 | Số hiệu tài khoản đối ứng | SHTKĐƯ |
| 13 | Ngày tháng ghi sổ | NTGS |
| 14 | Giấy báo có | GBC |
| 15 | Giấy báo nợ | GBN |
| 16 | Số thứ tự | STT |
| 17 | Số hiệu | SH |
| 18 | Ngày tháng | NT |
| 19 | Thương mại | TM |

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Việt Nam đang trên đà phát triển và hội nhập với nền kinh tế thế giới, dẫn đến sự ra đời của hàng loạt các doanh nghiệp, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau. Với quy mô và hoạt động khác nhau nhưng về cơ bản đều hướng tới mục tiêu chung là phát triển bền vững và lợi ích lâu dài. Để đạt được điều đó thì mỗi doanh nghiệp luôn phải nắm bắt được tình hình tài chính của công ty, phải biết đồng vốn của mình đang được sử dụng như thế nào, hay đang đặt ở đâu, có đáng tin cậy hay không, bên cạnh đó việc xây dựng lòng tin với khách hàng cũng như nhà cung cấp là một việc quan trọng không kém.

Trong thời kì kinh tế nhiều biến động như hiện nay, các doanh nghiệp gặp khá nhiều khó khăn trong việc sử dụng nguồn vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh. Cho nên việc giải quyết tốt vấn đề công nợ là cách tích cực để thúc đẩy sự phát triển của hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán và quản lý công nợ là việc làm thực sự cần thiết và có ý nghĩa đối với doanh nghiệp.

Để hoàn thành tốt tổ chức kế toán thanh toán của doanh nghiệp cần nắm vững các khoản phải thu khách hàng, chủ động trong các giao dịch, điều chỉnh tình hình tài chính, phát triển các mối quan hệ trong và ngoài doanh nghiệp, duy trì tốt quan hệ với các đối tác và đảm bảo không vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, có thể căn cứ vào các khoản phải thu để đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp về khả năng thanh toán cũng như khả năng huy động vốn, tình hình chiếm dụng vốn và bị chiếm dụng vốn.

Nhận thức được tầm quan trọng của tổ chức kế toán thanh toán cùng vốn, cùng với kiến thức đã được học ở trường, nên em chọn đề tài “ **Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi** ”. Trong quá trình viết bài không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong được sự góp ý của thầy cô và các bạn để có thể hiểu sâu hơn về nghiệp vụ thanh toán từ đó rút ra so sánh giữa lý thuyết đã được học với thực tế tại công ty.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Nghiên cứu: Lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán tại doanh nghiệp.

- Mô tả: Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi.

- Đề xuất một số giải pháp: Giúp doanh nghiệp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi.

- Phạm vi nghiên cứu: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi.

- Về không gian: Nghiên cứu tại công ty

- Về số liệu nghiên cứu: Năm 2017

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Các phương pháp kế toán (Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối).

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

- Phương pháp thống kê và so sánh.

5. Kết cấu của khóa luận.

- Khóa luận bao gồm: Lời mở đầu, nội dung nghiên cứu và kết luận.

- Nội dung nghiên cứu gồm 3 chương:

➤ **CHƯƠNG 1:** Lý luận chung về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

➤ **CHƯƠNG 2:** Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi.

➤ **CHƯƠNG 3:** Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán.

- **Khái niệm thanh toán:** Là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.
- **Phương thức thanh toán:** Là cách thức chi trả, thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong các giao dịch mua bán. Phương thức thanh toán có thể thực hiện bằng hình thức trả tiền mặt, séc, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán bằng hiện vật, thẻ tín dụng,... theo sự thoả thuận của các bên trong giao dịch.

➤ *Các phương thức thanh toán tiền mua hàng trong nước.*

Có 2 phương thức thanh toán là thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

- **Phương thức thanh toán trực tiếp:** Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền chuyển khoản, bằng tiền cán bộ tạm ứng, hoặc có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng)....

- **Phương thức thanh toán trả chậm:** Doanh nghiệp đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc thanh toán chậm trả có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thỏa thuận.

➤ *Các phương thức thanh toán tiền mua hàng nhập khẩu.*

- **Phương thức chuyển tiền:** Là phương thức mà trong đó khách hàng (người trả tiền) yêu cầu ngân hàng của mình chuyển một số tiền nhất định cho một người khác (người hưởng lợi) ở một địa điểm nhất định bằng phương tiện chuyển tiền do khách hàng yêu cầu.

- **Phương thức nhờ thu:** Là phương thức thanh toán trong đó người bán sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hoặc cung ứng một dịch vụ cho khách hàng ủy

thác cho ngân hàng của mình thu hộ số tiền ở người mua trên cơ sở hồi phiếu của người bán lập ra.

Trong phương thức thanh toán nhờ thu bao gồm: nhờ thu phiếu trơn và nhờ thu kèm chứng từ.

Nhờ thu phiếu trơn: Là phương thức trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua căn cứ vào hồi phiếu do mình lập ra, còn chứng từ gửi ngân hàng thì gửi thẳng cho người mua không qua ngân hàng.

Nhờ thu kèm chứng từ: Là phương thức trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua không những căn cứ vào hồi phiếu mà còn phải căn cứ vào bộ chứng từ gửi hàng kèm theo với điều kiện là nếu người mua trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền hồi phiếu thì ngân hàng mới trao bộ chứng từ gửi hàng cho người mua để nhận hàng.

- **Phương thức ghi sổ**: Là phương thức thanh toán mà trong đó người bán mở một tài khoản (hoặc một quyển sổ) để ghi nợ người mua sau khi người bán đã hoàn thành giao hàng hay dịch vụ, đến từng định kỳ người mua trả tiền cho người bán.

- **Phương thức tín dụng chứng từ**: Là một sự thỏa thuận, trong đó một ngân hàng (ngân hàng mở thư tín dụng) theo yêu cầu của khách hàng (người yêu cầu mở thư tín dụng) sẽ trả một số tiền nhất định cho một người khác (người hưởng lợi số tiền của thư tín dụng) hoặc chấp nhận hồi phiếu do người này ký phát trong phạm vi số tiền đó khi người này xuất trình cho ngân hàng một bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định đề ra trong thư tín dụng.

- **Hình thức thanh toán**: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Các hình thức cụ thể gồm hai loại là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

✓ **Thanh toán bằng tiền mặt**: bao gồm các loại hình thức thanh toán như: thanh toán bằng tiền Việt Nam, bằng ngoại tệ, hồi phiếu ngân hàng và các loại giấy tờ có giá trị như tiền... Đây là các hình thức thanh toán trực tiếp giữa hai bên. Khi nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ,.. thì bên mua xuất tiền mặt ở quỹ

để trả trực tiếp cho người bán. Hình thức thanh toán này trên thực tế chỉ phù hợp với các giao dịch nhỏ và đơn giản. Thông thường hình thức này được áp dụng để thanh toán cho công nhân viên, với các nhà cung cấp nhỏ, lẻ.

✓ ***Thanh toán không bằng tiền mặt:*** là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Các hình thức bao gồm: Thanh toán bằng Séc, thanh toán bằng ủy nhiệm thu, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, thanh toán bằng thư tín dụng – L/C.

• ***Thanh toán bằng Séc:*** Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị có tên trên Séc. Đơn vị phát hành Séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng Séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở ngân hàng có số dư. Séc thanh toán gồm có Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Séc tiền mặt và Séc định mức.

• ***Thanh toán bằng ủy nhiệm thu:*** Ủy nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

• ***Thanh toán bằng ủy nhiệm chi:*** Là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mà mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người hưởng thụ.

Thanh toán bù trừ: Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành một văn bản để làm căn cứ theo dõi.

• ***Thanh toán bằng tín dụng – L/C:*** Khi mua hàng, bên mua phải lập một khoản tín dụng tại ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn vị khác địa

phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

· Thanh toán bằng thẻ tín dụng: Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

(Nguồn: Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp)

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua.

1.2.1. Nguyên tắc thanh toán với người mua.

- ✓ Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kì hạn thu hồi và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.
- ✓ Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận phải thu khách hàng đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.
- ✓ Kế toán tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được để có căn cứ xác định số trích lập số dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản thu không đòi được. Khoản thiệt hại về nợ phải thu khó đòi sau khi trừ dự phòng đã trích lập được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kì báo cáo. Khoản nợ khó đòi đã xử lý khi đòi được, hạch toán vào thu nhập khác.
- ✓ Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người mua.

A, Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng bán hàng (đối với những khách hàng có giao dịch lớn/ 1 lần giao dịch).
- Hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn GTGT) do doanh nghiệp lập.
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có ngân hàng.
- Biên bản đối chiếu công nợ.
- Giấy nộp tiền.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Các chứng từ có liên quan khác.

B, Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.
- Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng.
- Sổ cái tài khoản 131

C, Tài khoản sử dụng.

TK 131: Phải thu của khách hàng.

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Kết cấu TK 131: Phải thu của khách hàng

| Bên nợ | Bên có |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính. - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng. - Đánh giá lại các khoản phải thu khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán) | <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền khách hàng đã trả nợ. - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng. - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua. - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT). - Khoản giảm giá hàng bán trừ vào nợ phải thu khách hàng. - Đánh giá lại các khoản phải thu khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán). |
| <p>Số dư bên nợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền còn phải thu của khách hàng. | <p>Số dư bên có (nếu có)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. |

Chú ý: Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

(Nguồn: TT 133/ 2016/TT-BTC)

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua.

*** Trường hợp bán chịu cho khách hàng:**

- Khi bán chịu vật tư, hàng hóa cho khách hàng, căn cứ vào hóa đơn VAT, kế toán ghi doanh thu bán chịu phải thu:

Nợ TK 131: số phải thu của khách hàng

Có TK 511: doanh thu bán hàng

Có TK 3331: thuế GTGT phải nộp

- Khi bán chịu TSCĐ kế toán ghi:

Nợ TK 131: phải thu khách hàng

Có TK 711: thu nhập bất thường

Có TK 3331: thuế GTGT phải nộp

- Khi chấp nhận giảm giá trừ nợ cho khách hàng, khách hàng trả lại hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 3331: VAT của hàng bán bị trả lại

Có TK 131: ghi giảm số nợ phải thu của khách hàng

- Khi chấp nhận chiết khấu thanh toán cho khách hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 635 : Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131 : Phải thu của khách hàng

*** Trường hợp khách hàng ứng trước tiền mua hàng.**

- Khi doanh nghiệp nhận tiền ứng trước của khách hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112: số tiền khách hàng ứng trước

Có TK 131: phải thu của khách hàng

- Khi giao nhận hàng cho khách hàng theo số tiền ứng trước, căn cứ vào hóa đơn bán hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 131: tổng số tiền hàng khách hàng phải thanh toán

Có TK 511: doanh thu bán hàng

Có TK 3331: thuế GTGT phải nộp

- Chênh lệch giữa số tiền ứng trước và giá trị hàng bán theo thương vụ sẽ được theo dõi thanh quyết trên TK 131.

*** Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng.**

Nợ TK 152,153,156: (phương pháp KKTX)

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 131: Phải thu khách hàng

*** Trường hợp đặc biệt nợ phải thu khó đòi.**

- Cuối niên độ của kế toán, tính số dự phòng phải thu khó đòi cho năm nay:

Nợ TK: 642-6426: chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 - 2293: dự phòng phải thu khó đòi

- Sang năm sau: tính số dự phòng phải lập trong năm và so sánh với số dự phòng năm trước đã lập.

+ Nếu không thay đổi thì không lập thêm dự phòng.

+ Nếu số dự phòng lập năm nay lớn hơn số dự phòng năm trước đã lập thì tiến hành lập thêm theo số chênh lệch.

Nợ TK 642-6426: chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 – 2293: dự phòng tổn thất tài sản

+ Nếu số dự phòng năm nay nhỏ hơn số dự phòng năm trước đã lập thì hoàn nhập dự phòng theo số chênh lệch.

Nợ TK 229 – 2293: dự phòng tổn thất tài sản

Có TK 642-6426: chi phí quản lý doanh nghiệp

+ TH có dấu hiệu chắc chắn không đòi được nợ, kế toán ghi:

Nợ TK 229 - 2293

Nợ TK 642-6426

Có TK 131

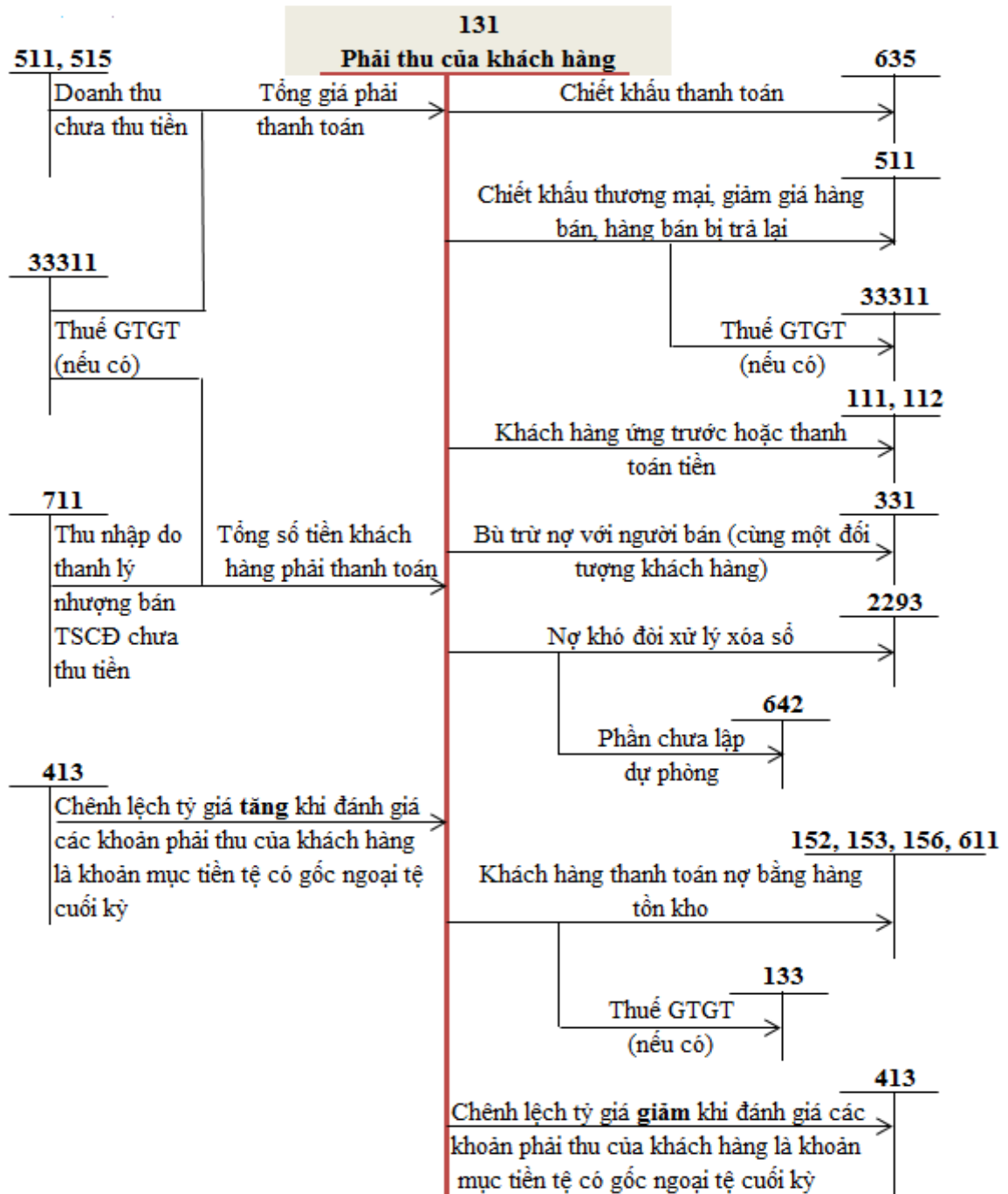
TH đã xóa sổ nhưng lại đòi thì cho vào thu nhập bất thường

Nợ TK 111,112,.....

Có TK 711

Nếu DN tính VAT theo phương pháp trực tiếp thì không sử dụng TK 3331. Khi đó giá trị vật tư, hàng hóa bán ra bao gồm cả thuế VAT.

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT 133/ 2016/TT-BTC

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán.

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán.

Tài khoản này sử dụng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư hàng hóa, TSCĐ, người cung

cấp dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã được ký kết. Tài khoản này cũng được sử dụng để phản ánh tình hình về thanh toán các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp. Không được phản ánh vào tài khoản các nghiệp vụ trả tiền ngay.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ, vật tư, hàng hóa hoặc cho người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết của những đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và khối lượng xây lắp hoàn thành được bàn giao.

Bên giao nhập khẩu ủy thác đã ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như các khoản phải trả người bán thông thường.

Những hàng hóa, vật tư, dịch vụ đã nhận được nhập kho nhưng đến cuối tháng nhưng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc có thông báo chính thức của người bán.

Khi hạch toán các khoản này, kế toán phải hạch toán chi tiết, rõ ràng các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán và người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người bán.

A, Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn mua hàng
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ liên quan khác

B, Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 331 của từng khách hàng
- Sổ tổng hợp TK 331
- Sổ cái 331
- Biên bản đối chiếu công nợ.

C, Tài khoản sử dụng.

TK 331: phải trả cho người bán

Kết cấu TK 331: Phải trả người bán:

| Bên nợ | Bên có |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa và người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp. - Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao. - Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán. - Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng. - Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào các khoản nợ phải trả cho người bán. - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính lớn hơn giá thực tế của số vật tư hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán). | <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp. - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc giá được thông báo chính thức. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán). |
| Số dư bên nợ (nếu có) | Số dư bên có |
| <ul style="list-style-type: none"> -Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. | <ul style="list-style-type: none"> -Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp. |

CHÚ Ý: Khi lập bảng CĐKT, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở TK này để ghi 2 chỉ tiêu bên “ Tài sản” và bên “ Nguồn vốn”.

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.

Trường hợp mua chịu:

Mua vật tư, TSCĐ: Căn cứ vào CT, HĐ, BB giao nhận..... kế toán ghi.

● Mua hàng nội địa

Nợ Tk 152,153,156,157,211: (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133: Thuế VAT được khấu trừ

Có TK 331: Phải trả người bán

● Mua hàng nhập khẩu:

Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, Thuế BVMT (nếu có), Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.

Nợ TK 152,153,156,157, 211: (giá mua chứ có thuế GTGT)

Có 331: Phải trả người bán

Có TK 3332: Thuế TTĐB

Có TK 3333: Thuế XNK

Có TK 3338: Thuế BVMT

Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Nợ TK 331: Thuế GTGT Vào được khấu trừ

Có TK 3331-33312

Trả nợ cho người bán, kế toán ghi

Nợ TK 331: phải trả người bán

Có TK 111: Trả bằng tiền mặt

Có TK 112: Trả bằng tiền gửi Ngân hàng

Có TK 341: Trả bằng tiền vay

Khi được hưởng chiết khấu, giảm giá trả lại vật tư, hàng hóa cho người bán, kế toán ghi :

Nợ TK 331: Phải trả người bán

Có TK 152 ,155,156

Có Tk 133 : Thuế VAT được khấu trừ

Trường hợp ứng trước tiền mua hàng.

Khi ứng tiền trước cho người bán để mua hàng

Nợ TK 331: phải trả người bán

Có TK 111,112:

Nhận mua hàng theo số tiền đã ứng trước

Nợ TK 152,153,156,...: Nhập kho

Nợ TK 211: Mua TSCĐ

Nợ TK 133:Thuế VAT được khấu trừ

Có 331: Phải trả người bán

Thanh toán chênh lệch giữa giá trị hàng hóa và tiền ứng trước

+) Nếu số tiền ứng trước nhỏ hơn giá trị hàng mua thì DN phải trả số tiền còn thiếu.

Nợ TK 331: trả nợ còn thiếu

Có TK 111,112, 341

+) Nếu số tiền ứng trước lớn hơn giá trị hàng mua thì phải ghi thu

Nợ TK 111,112,341

Có TK 331

Nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước: vì không cung cấp được hàng hóa dịch vụ.

Nợ TK 111,112 :

Có TK 331: phải trả người bán

Nhận dịch vụ cung cấp: (Chi phí vận chuyển Hàng hóa, điện nước, điện thoại... của người bán) nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 156 : Hàng Hóa

Nợ TK 241 : XDCB

Nợ Tk 242 : Chi phí trả trước

Nợ TK 642,635,811:

Nợ TK 133 :

Có TK 331:

Khoản chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua vật tư, hàng hóa, TSCĐ do thanh toán trước thời hạn được trừ vào khoản nợ phải trả người bán:

Nợ TK 331: Phải trả người bán

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

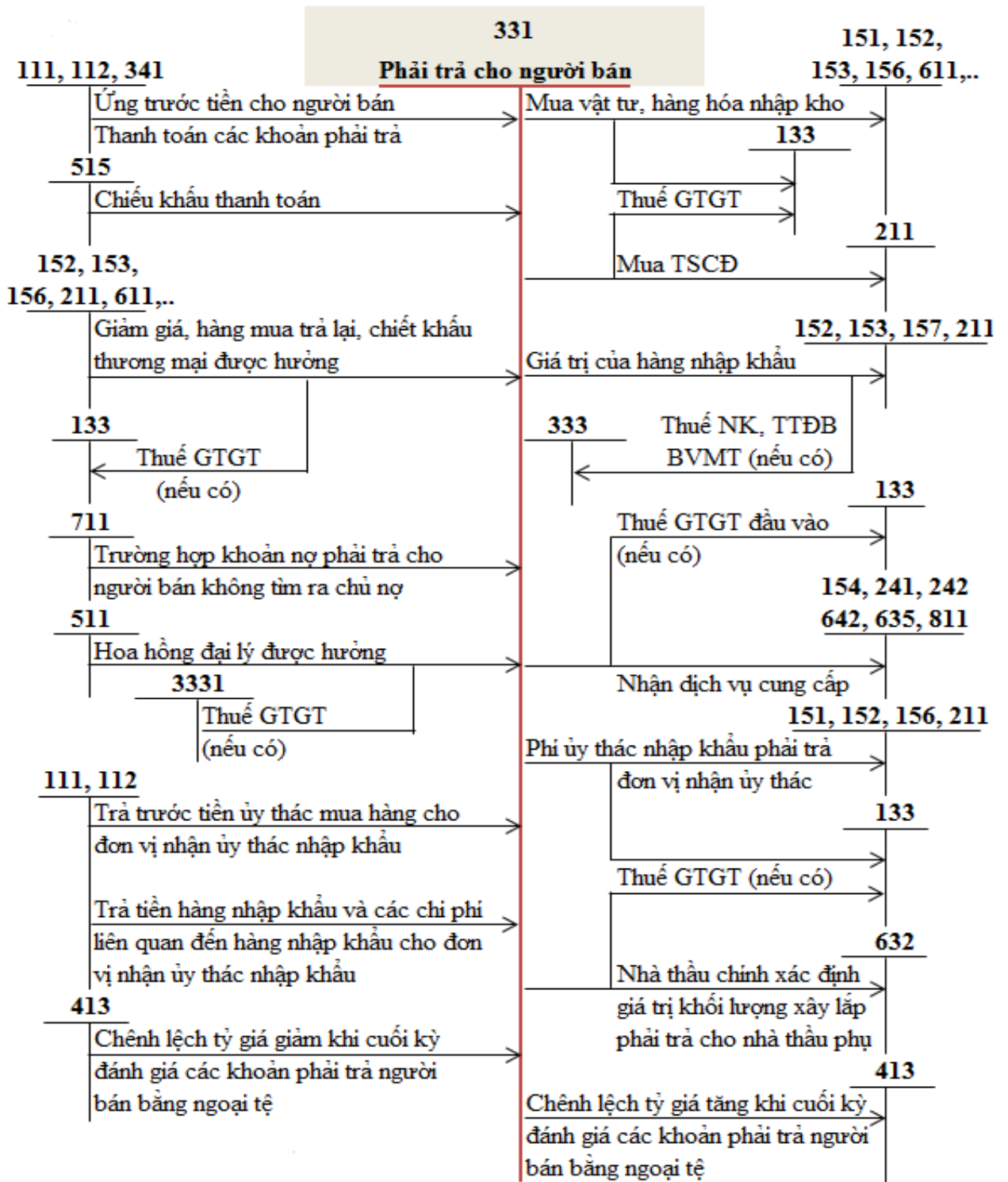
Trường hợp nợ phải trả người bán nhưng không ai đòi, kế toán ghi tăng thu nhập khác.

Nợ TK 331: Kết chuyển xóa nợ

Có TK 771: Thu nhập khác

Nếu DN tính VAT theo phương pháp trực tiếp thì không sử dụng TK 133-VAT đầu vào được khấu trừ. Khi đó giá trị vật tư, hàng hóa mua vào và giá trị hàng mua trả lại là giá bao gồm cả VAT.

KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN



Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán theo TT 133/2016/TT-BTC

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.

1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.

Tỷ giá hối đoái được hiểu là giá của một đơn vị ngoại tệ tính theo đồng nội tệ. Đây chính là giá của ngoại tệ trên thị trường và được xác định dựa trên quan hệ cung cầu về ngoại tệ.

- Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ.
- Trong kế toán sử dụng 3 loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi nhận nợ.
 - + Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước VN công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí, hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi, hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.
 - + Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO hoặc đích danh.
 - + Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.
- Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.

✓ Khi phát sinh doanh thu , thu nhập khác bằng ngoại tệ căn cứ tỉ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh ghi :

Nợ TK 131 : Tỉ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch

Có TK 511 , 711 : Tỉ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch

✓ Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ nợ phải thu của khách hàng :

- Trường hợp bên Có các tài khoản phải thu áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán , ghi :

Nợ TK 111, 112: Tỉ giá thực tế tại ngày giao dịch

Nợ TK 635 : Chi phí tài chính

Có Tk 131 :Tỉ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

✓ Khi thu các khoản nợ phải thu :

Nợ TK 111,112: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

Có TK 131: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời tại thời điểm thu nợ hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của DN :

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá , ghi :

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá , ghi

Nợ TK 131

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

✓ Khi mua vật tư hàng hóa , TSCĐ , dịch vụ nhà cung cấp chưa thanh toán tiền bằng ngoại tệ , căn cứ vào tỷ giá giao dịch tại ngày giao dịch :

Nợ TK 111, 112, 153, 156, 211, 642

Có 331 : Phải trả người bán

✓ Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ:

- Trường hợp bên Nợ các TK phải trả và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 331 : Tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635 : Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 ,112 : (tỷ giá ghi sổ kế toán).

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

- Trường hợp bên Nợ các TK phải trả và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

+ Khi thanh toán nợ phải trả:

Nợ TK 331

Có TK 111 112

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời khi thanh toán nợ phải trả hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của DN:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 331

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 331

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

1.5. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán

Doanh nghiệp không thể chi trả tất cả các khoản phát sinh trong hoạt động kinh doanh với lượng vốn CSH có hạn, dẫn đến phải chiếm dụng vốn của tổ chức khác làm phát sinh quan hệ thanh toán. Trong tất cả các khoản phải thu thì phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất. Luồng tiền thu được từ khách hàng là nguồn chính để doanh nghiệp chi trả các khoản nợ và tiếp tục chu kỳ kinh doanh của mình. Việc quản lý và thu hồi nợ tốt sẽ nâng cao khả năng thanh toán của doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp có tình hình tài chính vững mạnh để vượt qua những khó khăn có thể gặp phải trong suốt quá trình hoạt động của mình và quyết định sự liên tục của quá trình sản xuất kinh doanh.

Quan hệ thanh toán là yếu tố của hoạt động tài chính và là cơ sở cho công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán chi tiết theo đối tượng, thời gian và tình hình thanh toán sẽ cung cấp cho nhà quản lý các thông tin cần thiết cho quản lý tài chính. Thông qua các thông tin này, các nhà quản trị sẽ nắm được tình hình thanh toán của các doanh nghiệp để từ đó đưa ra các chính sách thu hồi nợ, thanh toán nợ và cân đối tài chính DN giữa vốn chiếm dụng và vốn bị chiếm dụng sao cho hợp lý.

Tất cả nghiệp vụ liên quan đến thanh toán phát sinh đều được biểu hiện qua các chứng từ, sổ sách nên việc quản lý các khoản nợ và thu hồi nợ phải được tiến hành thông qua kế toán. Từ sự quản lý thường xuyên và chi tiết của kế toán mà ban giám đốc sẽ có những quyết định đúng đắn, biện pháp kịp thời trong việc thu hồi nợ phải thu sớm nhất có thể từ phía khách hàng nhưng vẫn phải đảm bảo duy trì mối quan hệ tốt với bạn hàng, đồng thời chi trả đúng hạn cho người bán nhằm nâng cao uy tín cho công ty. Nhìn chung, quan hệ thanh toán với người mua và người bán có ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.6. Nhiệm vụ của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán

- Tổ chức ghi chép nhằm theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả theo chi tiết từng đối tượng, từng khoản nợ đơn đốc việc thanh toán kịp thời, tránh chiếm dụng vốn.

- Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua bán thường xuyên hoặc có số dư nợ lớn thì định kì hoặc cuối niên độ kế toán cần tiến hành kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán số còn nợ. nếu cần thiết có thể yêu cầu khách hàng xác nhận bằng văn bản.

- Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỉ luật.

- Tổng hợp, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý để có biện pháp xử lý phù hợp.

- Tổ chức hệ thống tài khoản, hệ thống, sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp để phản ánh công nợ phải thu và phải trả. Đồng thời cũng cần xây dựng nguyên tắc quy trình kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp thanh toán với người mua, người bán

sao cho khoa học và hợp lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo tuân thủ quy định và chế độ.

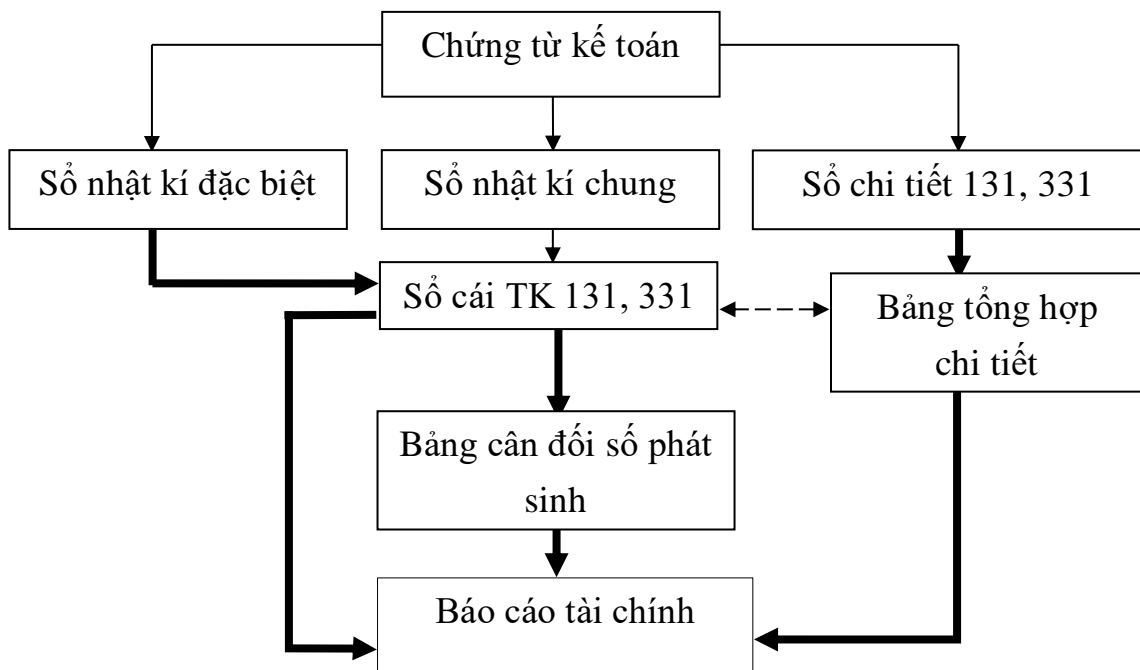
1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.

1.7.1. Nguyên tắc ghi sổ Nhật Ký Chung.

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký ghi vào Sổ Cái các tài khoản liên quan. Các loại sổ chủ yếu gồm:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.7.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.



Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chung.

Ghi chú:

- Ghi theo ngày: →
- Ghi định kì: →
- Quan hệ đối chiếu kiểm tra: ↔

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết phải ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật kí chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật kí chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật kí chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng tất cả số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Nhật kí chung.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG PHI

2.1. Khái quát về công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG PHI là công ty chuyên vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG PHI
- Địa chỉ : 3B/179 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
- Mã số thuế : 0201061122
- Vốn điều lệ : 1.600.000.000
- Số điện thoại : 0225.3.767477
- Người đại diện pháp lý : Nguyễn Văn Thương
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH 1 thành viên
- Quy mô : Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Trường Phi thành lập ngày 26 tháng 4 năm 2010.

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0201061122 do Sở kế hoạch & đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- Thời gian đầu khi mới thành lập công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi có quy mô hoạt động nhỏ, đội ngũ công nhân ít, cơ sở trang thiết bị còn thiếu thốn. Kể từ đó cho đến nay, với sự nỗ lực của ban Giám Đốc cùng đội ngũ nhân viên, công ty đã phát triển mạnh mẽ hơn rất nhiều.

2.1.2 Đặc điểm kinh doanh.

Ngành nghề chính của công ty là dịch vụ vận chuyển hàng hóa, các nghiệp vụ kinh doanh vận tải, tổ chức nghiên cứu thị trường khai thác hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho các đơn vị khác.

2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.

Trong quá trình hoạt động của mình công ty nắm bắt được nhiều cơ hội thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn.

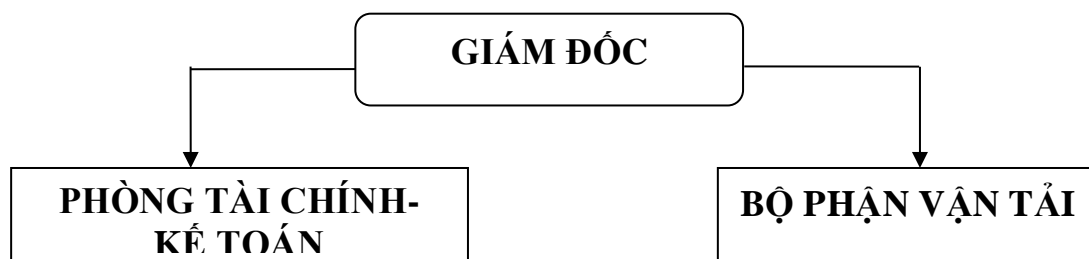
** Thuận lợi:*

- Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, nỗ lực hết mình vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm cao, biết tiếp thu và vận dụng kiến thức mới.
- Môi trường làm việc lành mạnh và chuyên nghiệp.
- Cơ sở vật chất tốt như: xe tải chuyên chở hàng hóa đời mới, phương tiện ổn định, luôn được kiểm tra, nâng cấp thường xuyên.
- Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán, dễ dàng kiểm soát.

** Khó khăn:*

- Đội ngũ nhân viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên ban đầu còn gặp nhiều vướng mắc, đặc biệt là trong vấn đề tuyển lái xe có trách nhiệm và kinh nghiệm.
- Nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường .
- Giá xăng dầu tăng gây ảnh hưởng đến chi phí của công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi



Sơ đồ 1.1: Cơ cấu tổ chức tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi

Chức năng của từng phòng ban

➤ **Giám đốc công ty:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.

- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong công ty, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

➤ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

- Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định.

➤ **Bộ phận vận tải:**

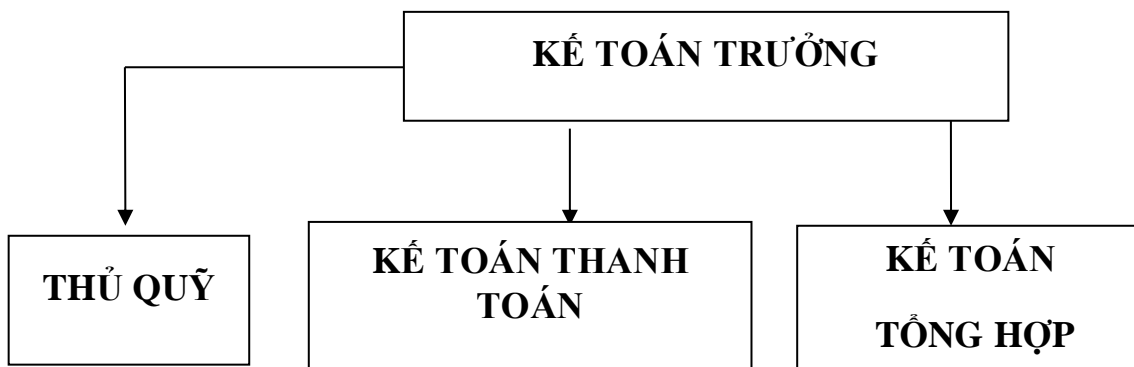
- Nơi các lái xe thực hiện nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa.

- Thông báo phương tiện hỏng, đóng hàng , nhận hàng, chuyển hàng hạ hàng tại nơi được nhân.

- Tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ phương tiện ..

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi

2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 1.2: Cơ cấu tổ chức Bộ máy kế toán tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi

➤ **Nhiệm vụ và trách nhiệm của từng chức vụ trong phòng ban kế toán.**

Kế toán trưởng: Là người đứng đầu phòng kế toán tài chính và chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty, đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

Kế toán thanh toán: Theo dõi các khoản công nợ giữa công ty với khách hàng. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo lên kế toán trưởng và giám đốc.

Kế toán tổng hợp: Tập hợp chi phí theo số liệu phát sinh ngày, tổ chức ghi chép, tổng hợp số liệu nhập xuất, các loại vốn, các quỹ của công ty để xác định lãi lỗ, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế. Có chức năng giúp giám đốc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.

Thủ quỹ: Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, lưu trữ hồ sơ, cập nhật chứng từ, báo cáo quỹ hằng ngày, đóng các chứng từ sổ sách có liên quan.

2.1.5.2. *Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi*

✓ Công ty áp dụng hình thức kế toán: **Nhật kí chung**

- Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ theo đường thẳng.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng (VNĐ)

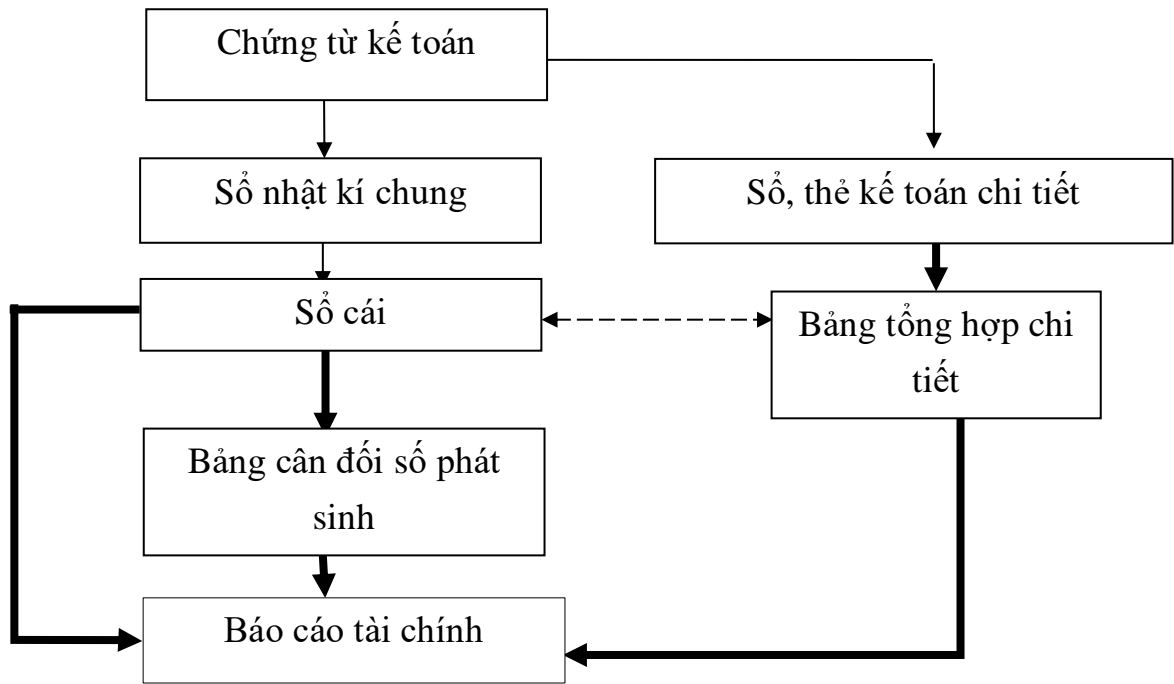
❖ **Hình thức sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật Kí Chung**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật kí chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật kí mà trọng tâm là sổ Nhật Kí Chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật kí để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật kí chung
- Sổ cái
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi định kỳ —————→
- Kiểm tra, đối chiếu - - - - -→

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết phải ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật kí chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật kí chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật kí chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng tất cả số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi

2.2.1. Kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi

➤ Chứng từ sử dụng:

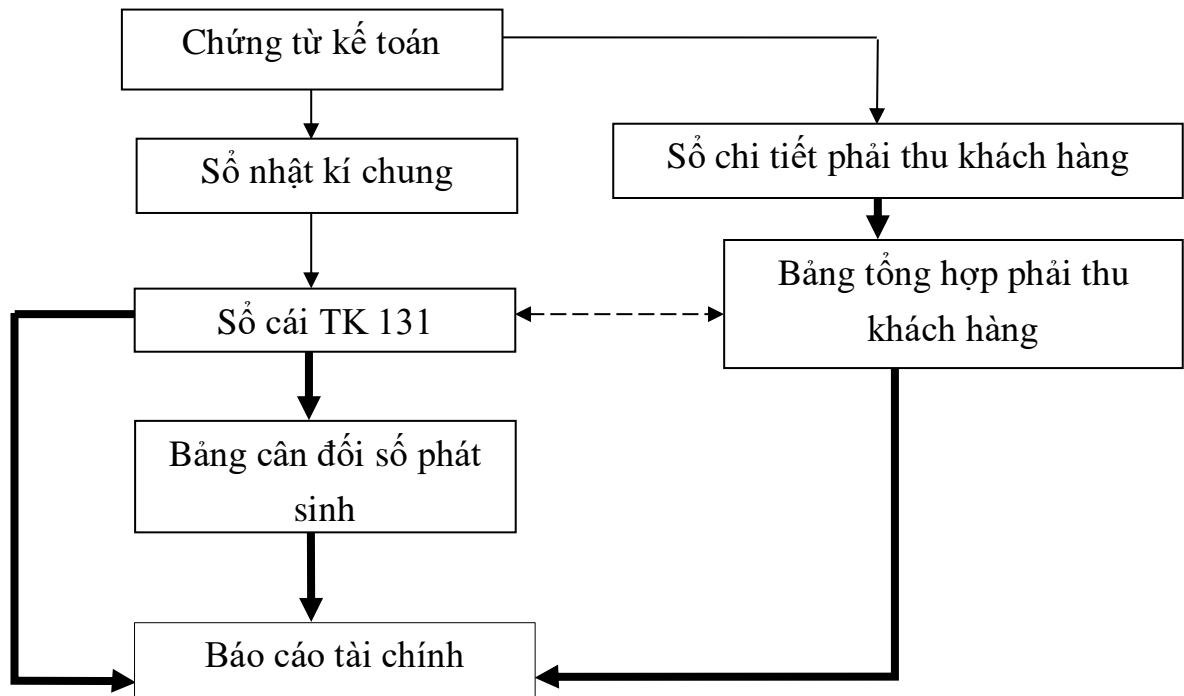
- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu

➤ Tài khoản sử dụng: TK131 - phải thu của khách hàng

➤ Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
- Sổ cái TK 131 và các tài khoản có liên quan

➤ Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi định kỳ —————→
- Kiểm tra, đối chiếu - - - - -→

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để ghi sổ. Đầu tiên ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật kí chung, sau đó căn cứ số liệu trên sổ Nhật kí chung để ghi vào sổ cái TK 131, TK 511, TK 333,....., đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 - phải thu của khách hàng. Từ sổ chi tiết phải thu của khách hàng tiến hành lập bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.

Cuối kì, cuối quý, cuối năm cộng tất cả số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Kế toán dùng số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp phải thu của khách hàng để lập báo cáo tài chính.

*Ví dụ 1 : Ngày 08/12/2017 công ty vận chuyển hàng hóa cho công ty TNHH Công nghệ thực phẩm Kicofood số tiền: 13.200.000 (cả VAT 10%), chưa thu tiền.

Biểu số 1:Hóa đơn GTGT số 0000426

| HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | |
|---|---------------------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------------|-------------------|
| Liên 3: Nội bộ | | | Ký hiệu: AA/16P | | |
| Ngày 08 tháng 12 năm 2017 | | | Số: 0000426 | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi | | | | | |
| Mã số thuế: 0201061122 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 3B/179 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng. | | | | | |
| Điện thoại: 0225.3.262.419 | | | | | |
| Số tài khoản: | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH Công nghệ thực phẩm Kicofood | | | | | |
| Địa chỉ: Số 46 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh | | | | | |
| Mã số thuế: 0313659016 | | | | | |
| Hình thức thanh toán: TM | | | Số TK: | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Cước vận chuyển Hải Phòng – Trung Yên | Cont | 03 | 4.000.000 | 12.000.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 12.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 1.200.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 13.200.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| (Ký, họ tên) | | (Ký, họ tên) | | (Ký, đóng dấu, họ tên) | |

*Ví dụ 2 : Ngày 16/12/2017 vận chuyển hàng hóa cho công ty TNHH An Minh số tiền: 22.000.000 (cả VAT 10%) ,chưa thu tiền

Biểu số 2: Hóa đơn GTGT số 0000438

| HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Mẫu số: 01 | | |
|---|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------|-------------------|
| Liên 3: Nội bộ | | | GTKT3/001 | | |
| Ngày 16 tháng 12 năm 2017 | | | Ký hiệu: AA/16P | | |
| | | | Số: 0000438 | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi | | | | | |
| Mã số thuế: 0201061122 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 3B/179 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng. | | | | | |
| Điện thoại: 0225.3.262.419 | | | | | |
| Số tài khoản: 2111201007001 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH An Minh | | | | | |
| Địa chỉ: Số 6, Tổ 11, phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên | | | | | |
| Mã số thuế: 4600887172 | | | | | |
| Hình thức thanh toán: CK | | | Số TK: 2614100188002 | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Cước vận chuyển Hải Phòng – Phú Yên | Cont | 04 | 5.000.000 | 20.000.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 20.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 2.000.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 22.000.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| (Ký, họ tên) | | (Ký, họ tên) | | (Ký, đóng dấu, họ tên) | |


*Ví dụ 3 :Ngày 20/12/2017 Công ty TNHH công nghệ thực phẩm Kicofood thanh toán tiền cước vận chuyển cho cho công ty 13.200.000 VNĐ bằng tiền mặt.

Biểu số 3: Phiếu thu.

| | | | | |
|---|---|--|---|-----------------------------------|
| Đơn vị: Công ty TNHH TM và DV Trường Phi Địa chỉ: Số 3B/179 Lê Lai, Ngô Quyền, Tp Hải Phòng | Mẫu số: 01 - TT (Ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính) | | | |
| PHIẾU THU <i>Ngày 20/12/2017</i> | | | | |
| Quyền số: Số: 109 Nợ 111: 13.200.000 Có 131: 13.200.000 | | | | |
| Họ tên người nộp tiền: Phạm Việt Đức Địa chỉ: Số 46 Bạch Đằng, P2, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh Lý do nộp: Cty TNHH Kicofood t/toán cước V/C T12/17, HĐ: 0426 Số tiền: 13.200.000 (Viết bằng chữ): Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn. Kèm theo:Chứng từ gốc: | | | | |
| <i>Ngày 20 tháng 12 năm 2017</i> | | | | |
| Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) | Kế toán trưởng (Ký, họ tên) | Người nộp tiền (Ký, họ tên) | Người lập phiếu (Ký, họ tên) | Thủ quỹ (Ký, họ tên) |
| Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn. | | | | |
| + Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): | | | | |
| + Số tiền quy đổi: | | | | |

*Ví dụ 4: Ngày 27/12/2017 công ty TNHH An Minh thanh toán cước vận chuyển cho công ty 42.720.000 VNĐ bằng chuyển khoản

Biểu số 4: Giấy báo có của ngân hàng AGRIBANK Hải Phòng.

| | | |
|--|---|---|
|  | <h1>LỆNH CÓ</h1> | <p>Số tham chiếu đi: 10753662 Số tham chiếu đến: 2111ITL171007172</p> |
| <p>NH gửi lệnh: 01311001 – NH Quân đội Hà Nội</p> | | <p>Loại chuyển tiền: IL</p> |
| <p>NH nhận lệnh: 01204001 – NH NN&PTNT Việt Nam</p> | | <p>Ngày lập lệnh: 27/12/2017</p> |
| <p>Người phát lệnh: CTY TNHH AN MINH</p> | | |
| <p>Chứng minh thư:</p> | <p>Mã số thuế:</p> | |
| <p>Địa chỉ: FT17108588327895 VN0010261 31442_TNHART1.6_OFS_BROWSERTC</p> | | |
| <p>Số tài khoản: 2614100188002 Tại: 01311001 – NH Quân đội Hà Nội</p> | | |
| <p>Người nhận lệnh: CTY TNHH TM VA DV TRUONG PHI</p> | | |
| <p>Chứng minh thư:</p> | <p>Mã số thuế:</p> | |
| <p>Số tài khoản: 2111201007001 Tại: 31204007 – Agribank Bắc Hải Phòng</p> | | |
| <p>Số tiền (bằng số):</p> | <p>42.720.000 VNĐ</p> | |
| <p>Số tiền (bằng chữ):</p> | <p>Bốn mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn VNĐ</p> | |
| <p>Chương, loại, khoản, mục:</p> | | |
| <p>Nội dung: TT CUOC VAN CHUYEN HOA DON 0000437</p> | | |

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 5: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH TM&DV Trường Phi
Địa chỉ: số 3B/179 Lê Lai, NQ, HP.

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | | Số tiền | |
|---------------|--------------|--|------------|---------------------|-----------------------|---------------------------------|
| SH | NT | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | SD ĐK | | | | |
| | | | | | | |
| HD0392 | 01/12 | Vận chuyển hàng cho cty TM và DV Lê Nguyễn | 131 | 511 3331 | 17.215.000 | 15.650.000 1.565.000 |
| | | | | | | |
| HD0426 | 08/12 | Vận chuyển hàng cho cty TNHH Công nghệ thực phẩm Kicofood | 131 | 511 3331 | 13.200.000 | 12.000.000 1.200.000 |
| | | | | | | |
| HD0438 | 16/12 | Vận chuyển hàng cho cty TNHH An Minh | 131 | 511 3331 | 22.00.000 | 20.000.000 2.000.000 |
| | | | | | | |
| PT109 | 20/12 | Cty TNHH Công nghệ thực phẩm Kicofood thanh toán bằng TM | 111 | 131 | 13.200.000 | 13.200.000 |
| | | | | | | |
| PT135 | 23/12 | Cty TM và DV Lê Nguyễn thanh toán bằng TM | 111 | 131 | 9.900.000 | 9.900.000 |
| | | | | | | |
| LC | 27/12 | Cty TNHH An Minh thanh toán bằng CK | 112 | 131 | 42.720.000 | 42.720.000 |
| | | | | | | |
| | | Cộng phát sinh | | | 40.251.464.832 | 40.251.464.832 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 6: Trích Sổ cái TK 131

Công ty TNHH TM&DV Trường Phi
Địa chỉ: số 3B/179 Lê Lai, NQ, HP

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

năm 2017

Tên TK: Phải thu khách hàng

Số hiệu : 131

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | Số tiền | |
|----------|-------|---|-------------|-------------------------|----------------------|
| SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | SDDK | | 721.398.522 | |
| | | | | | |
| HD0392 | 01/12 | Vận chuyển hàng cho cty TM và DV Lê Nguyễn | 511 3331 | 15.650.000 1.565.000 | |
| | | | | | |
| HD0426 | 08/12 | V/c hàng cho cty TNHH công nghệ thực phẩm Kicofood | 511 3331 | 12.000.000 1.200.000 | |
| | | | | | |
| HD0438 | 16/12 | V/c hàng cho cty TNHH An Minh | 511 3331 | 20.000.000 2.000.000 | |
| | | | | | |
| PT109 | 20/12 | Cty TNHH CNTP Kicofood thanh toán tiền hàng bằng TM | 111 | | 13.200.000 |
| | | | | | |
| LC | 27/12 | Cty TNHH An Minh thanh toán tiền hàng bằng CK | 112 | | 42.720.000 |
| | | | | | |
| | | Cộng số phát sinh | | 2.467.552.301 | 2.292.216.311 |
| | | SDCK | | 896.734.512 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 7 : Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Trường Phi

Địa chỉ: số 3B/179 Lê Lai, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S13 – DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Năm 2017

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH Công nghệ thực phẩm Kicofood

Đơn vị tính: VNĐ

| NTG S | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐ U | Thời hạn C/K | Số phát sinh | | Số dư | |
|----------|----------|-------|--|----------|--------------------|--------------------|--------------------|---------------------------|----|
| | Số hiệu | NT | | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | <u>SDDK</u> | | | | | <u>213.674.539</u> | |
| | | | | | | | | | |
| 08/12 | HD0426 | 08/12 | Vận chuyển hàng cho cty TNHH CNTP Kicofood | 511 | | 12.000.000 | | 237.842.551 | |
| | | | | 3331 | | 1.200.000 | | 239.042.551 | |
| 20/12 | PT109 | 20/12 | Cty TNHH CNTP Kicofood thanh toán tiền hàng bằng TM | 111 | | | 13.200.0000 | 225.842.551 | |
| 27/12 | HD0452 | 27/12 | Vận chuyển hàng cho cty TNHH CNTP Kicofood | 511 | | 38.620.700 | | 264.463.251 | |
| | | | | 3331 | | 3.862.070 | | 268.325.321 | |
| | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | | 248.434.646 | 187.250.462 | | |
| | | | <u>SDCK</u> | | | | | <u>274.858.723</u> | |

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 8 : Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Trường Phi
 Địa chỉ: số 3B/179 Lê Lai, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S13 – DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131
 Đối tượng: Công ty TNHH An Minh
 Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Thời hạn C/K | Số phát sinh | | Số dư | |
|-------|----------|-------|---|-------|--------------|--------------------|--------------------|---------------------------|-------|
| | Số hiệu | NT | | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | <u>SDDK</u> | | | | | <u>211.436.337</u> | |
| | | | | | | | | | |
| 16/12 | HD0438 | 16/12 | Vận chuyển hàng cho cty TNHH An Minh | 511 | | 20.000.000 | | 225.726.362 | |
| | | | | 3331 | | 2.000.000 | | 227.726.362 | |
| 27/12 | LC | 27/12 | Cty TNHH An Minh thanh toán tiền hàng bằng CK | 112 | | | 42.720.000 | 185.006.362 | |
| 28/12 | HD0454 | 28/12 | Vận chuyển hàng cho cty TNHH An Minh | 511 | | 14.520.700 | | 199.527.062 | |
| | | | | 3331 | | 1.452.070 | | 200.979.132 | |
| | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | | 239.576.443 | 253.774.210 | | |
| | | | <u>SDCK</u> | | | | | <u>197.238.570</u> | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 9 : Trích bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Trường Phi

Địa chỉ: số 3B/179 Lê Lai, Ngô Quyền , HP.

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

| Tên khách hàng | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh trong kỳ | | Số dư cuối kỳ | |
|---|--------------------|-------|-----------------------|----------------------|--------------------|-------|
| | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| Công ty TNHH Công nghệ thực phẩm Kicofood | 213.674.539 | | 248.434.646 | 187.250.462 | 274.858.723 | |
| Công ty TNHH An Minh | 211.436.337 | | 239.576.443 | 253.774.210 | 197.238.570 | |
| Công ty CP TM và DV Lê Nguyễn | 48.356.724 | | 203.412.785 | 156.427.570 | 95.341.939 | |
| Công ty TNHH Sơn Trường | 50.681.463 | | 117.804.365 | 82.106.794 | 86.379.034 | |
| | | | | | | |
| Tổng cộng | 721.398.522 | | 2.467.552.301 | 2.292.216.311 | 896.734.512 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

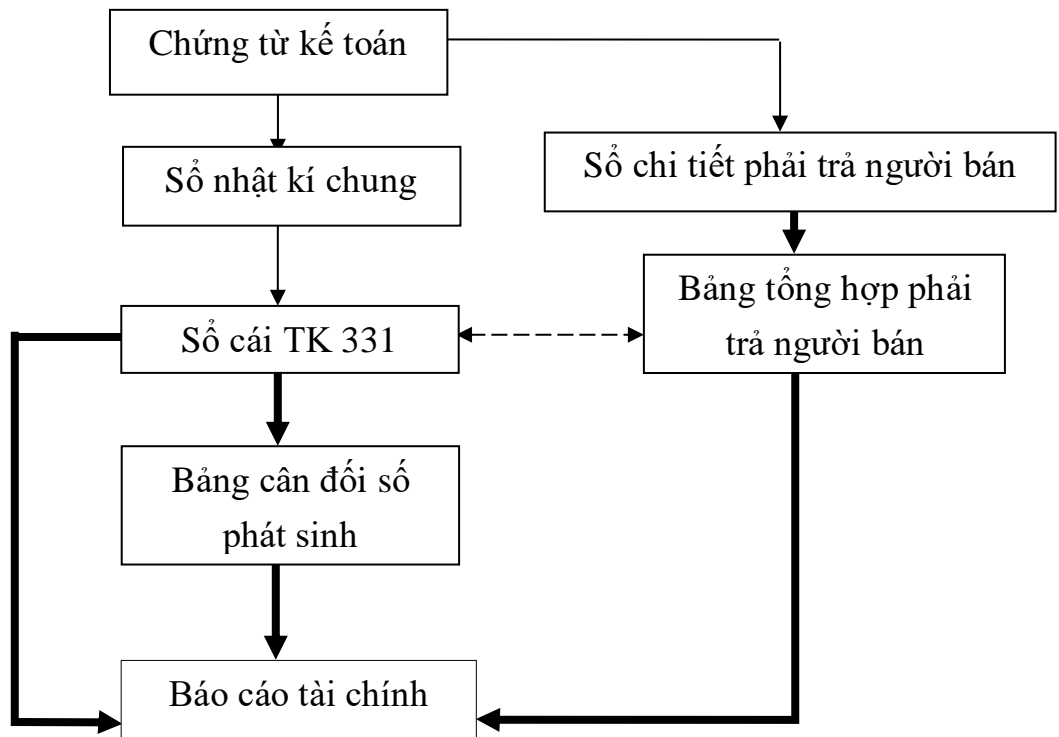
Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty

- Chứng từ sử dụng:
 - Hợp đồng mua bán
 - Hóa đơn GTGT
 - Giấy báo nợ của ngân hàng
 - Phiếu chi
- Tài khoản sử dụng: TK 331- Phải trả nhà cung cấp
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ chi tiết phải trả người bán
 - Sổ tổng hợp phải trả người bán
 - Sổ cái tài khoản 331



Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi



Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra ghi chép vào sổ Nhật kí chung và sổ chi tiết phải trả người bán. Sau đó từ số liệu đã ghi trên Nhật kí chung ghi vào sổ cái TK 331. từ sổ chi tiết phải trả người bán, ta tiến hành lập bảng tổng hợp phải trả người bán.

Cuối kì, cuối quý, cuối năm cộng tất cả số liệu trên sổ cái . Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) để lập bảng cân đối số phát sinh và các báo cáo tài chính.

**Ví dụ 5:* Ngày 13/12/2017, công ty mua xăng dầu tại công ty TNHH Nam Việt số tiền 1.250.000 VNĐ (gồm VAT 10%), chưa thanh toán

Biểu 10: Hoá đơn GTGT số 0000432

| HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Mẫu số :01GTKT3/001 | | |
|--|-----------------------|-----------------------|---------------------|--------------------------|------------|
| Liên 2: Giao khách hàng | | | Ký hiệu : TH/16P | | |
| Ngày 13 tháng 12 năm 2017 | | | Số: 0000432 | | |
| Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH Nam Việt | | | | | |
| Mã số thuế: 0200741333 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 83 Bạch Đằng, P. Hạ Lý, Q. Hồng Bàng, TP Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại: 0225.3.533.666 – 3.669.127 | | | | | |
| Số tài khoản: 0118100000194009 tại ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Hải Phòng | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: | | | | | |
| Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG PHI | | | | | |
| Mã số thuế: 0201061122 | | | | | |
| Địa chỉ: 3B/179 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng | | | | | |
| Hình thức thanh toán: TM | | | Số tài khoản: | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | Xăng RON95-IV | Lít | 61.94 | 18.345,45 | 1.136.364 |
| Cộng tiền hàng | | | | | 1.136.364 |
| Thuế GTGT 10% | | | | | 113.636 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 1.250.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn . | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| (Đã ký) | | (Đã ký) | | (Đã ký và đóng dấu) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận HĐ) | | | | | |

(Nguồn : trích từ phòng kế toán đơn vị)

**Ví dụ 6:* Ngày 16/12/2017 công ty đặt in hóa đơn của công ty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp số tiền 2.640.000 VNĐ, chưa thanh toán.

Biểu số 11: Hóa đơn GTGT số 0000437

| HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Mẫu số :01GTKT3/001 | | |
|---|-----------------------|----------------------------------|-----------------------------|---|------------|
| Liên 2: Giao khách hàng | | | Ký hiệu : TH/16P | | |
| Ngày 16 tháng 12 năm 2017 | | | Số: 0000437 | | |
| Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp | | | | | |
| Mã số thuế: 0201158156 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 20 Lê Lợi, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại: 0225.3.760.128 | | | | | |
| Số tài khoản: 111000010972 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: | | | | | |
| Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG PHI | | | | | |
| Mã số thuế: 0201061122 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 3B/179 Lê Lai, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, Tp Hải Phòng | | | | | |
| Hình thức thanh toán: CK | | | Số tài khoản: 2111201007001 | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | Hóa đơn GTGT | Quyển | 20 | 120.000 | 2.400.000 |
| Cộng tiền hàng | | | | | 2.400.000 |
| Thuế GTGT 10% | | | | | 240.000 |
| Tổng số tiền thanh toán | | | | | 2.640.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng (Đã ký) | | Người bán hàng (Đã ký) | | Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, Giao nhận HĐ) | | | | | |

(Nguồn : trích từ phòng kế toán đơn vị)


**Ví dụ 7:* Ngày 18/12/2017 công ty thanh toán tiền cho công ty TNHH Nam Việt số tiền phí dịch vụ gửi xe 8.000.000 đồng.

Biểu 12: Phiếu chi


| | | | | |
|---|------------------------------------|------------------------------|--|--------------------------|
| Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Trường Phi Địa chỉ: 3B/179 Lê Lai, Ngô Quyền Tp Hải Phòng | | PHIẾU CHI | Mẫu số 02-TT | |
| | | Ngày 18 tháng 12 năm 2017 | (Ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính) | |
| | | | Số : 394 Nợ TK 331: 8.000.000 Có TK 111: 8.000.000 | |
| Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Chung | | | | |
| Địa chỉ : Số 83 Bạch Đằng, P. Hạ Lý, Q. Hồng Bàng, HP | | | | |
| Lý do chi: T/Toán tiền phí gửi xe ô tô cho cty TNHH Nam Việt; HĐ 0412 | | | | |
| Số tiền: 8.000.000 | | | | |
| (Viết bằng chữ): Tám triệu đồng chẵn. | | | | |
| Kèm theo: chứng từ gốc: | | | | |
| Ngày 18 tháng 12 năm 2017 | | | | |
| Người lập phiếu (ký, họ tên) | Người nhận tiền (ký, họ tên) | Thủ quỹ (ký, họ tên) | Kế toán trưởng (ký, họ tên) | Giám đốc (ký, họ tên) |
| Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): : Tám triệu đồng chẵn | | | | |

**Ví dụ* 8: Ngày 21/12/2017 công ty thanh toán tiền đặt in hóa đơn cho cty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp bằng chuyển khoản số tiền: 2.640.000 VNĐ

Biểu 14: Ủy nhiệm chi

|  | <h2 style="margin: 0;">ỦY NHIỆM CHI</h2> <p style="margin: 0;">Ngày: 21/12/2017</p> | Liên 3: Khách hàng Số bút toán: Loại tiền: | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|-----------------|----------------|-------------|--|-------------|--|----------------|---------------|----------------|-----------|----------------|-----------|
| <p>Đơn vị trả tiền: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi</p> <p>Số tài khoản: 2111201007001</p> <p>Tại ngân hàng: Agribank CN Bắc Hải Phòng</p> <p>Đơn vị hưởng thụ: Công ty cổ phần bao bì đồ họa chuyên nghiệp</p> <p>CMT/Hộ chiếu: Ngày cấp:</p> <p>Nơi cấp: Điện thoại:</p> <p>Số tài khoản: 111000010972</p> <p>Tại ngân hàng: TMCP Công Thương Việt Nam- CN Lê Chân HP</p> | <p>Dành cho ngân hàng</p> <p>Tài khoản ghi nợ:</p> <p>Tài khoản ghi có:</p> <p>Số tiền bằng số: 2.640.000 đ</p> | | | | | | | | | | | | | |
| <p>Số tiền bằng chữ: Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng</p> <p>Nội dung: Thanh toán tiền đặt in hóa đơn</p> | | | | | | | | | | | | | | |
| <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">Đơn vị trả tiền</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Ngân hàng A</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Ngân hàng B</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">Kế toán trưởng</td> <td style="text-align: center;">Chủ tài khoản</td> <td style="text-align: center;">Giao dịch viên</td> <td style="text-align: center;">Kiểm soát</td> <td style="text-align: center;">Giao dịch viên</td> <td style="text-align: center;">Kiểm soát</td> </tr> </tbody> </table> | | | Đơn vị trả tiền | | Ngân hàng A | | Ngân hàng B | | Kế toán trưởng | Chủ tài khoản | Giao dịch viên | Kiểm soát | Giao dịch viên | Kiểm soát |
| Đơn vị trả tiền | | Ngân hàng A | | Ngân hàng B | | | | | | | | | | |
| Kế toán trưởng | Chủ tài khoản | Giao dịch viên | Kiểm soát | Giao dịch viên | Kiểm soát | | | | | | | | | |

Biểu 15: Chứng từ giao dịch

|  | | <h2>CHỨNG TỪ GIAO DỊCH</h2> | | Mẫu số: 01GTGT2/2111 Ký hiệu: FX/17T Số hóa đơn: 04050073000074 Ngày giá trị: 21/12/2017 SBT: 74 | |
|---|----------------|--|--|---|--|
| | | Ngày: 21/12/2017 Liên 2: Khách hàng | | | |
| Chi nhánh: 2111 – NHNo&PTNTVN – CN Bắc Hải Phòng Địa chỉ: Số 4 Đường Hà Nội- P. Thượng Lý- Q. Hồng Bàng- HP | | | Mã số thuế: 0100686174-894 Điện thoại/Fax: 0225.3.746710 | | |
| Người phát lệnh: Cty TNHH TM Và DV Trường Phi Chứng minh thư: Địa chỉ: Số B/179 Lê Lai, Máy Chai, NQ, HP Khách hàng thụ hưởng: Cty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp Chứng minh thư: Địa chỉ: | | | Mã số thuế: 0201061122 Điện thoại/Fax: Số tài khoản: 2111201007001 Mã số thuế: Điện thoại/Fax: Số tài khoản: 111000010972 | | |
| NH phát lệnh: 31204007 – Agribank Bắc Hải Phòng NH nhận lệnh: 31201004–NHTMCP CT Lê Chân | | NH gửi lệnh: 31204007-Agribank Bắc HP NH thanh toán: 31201004-NHTMCP CT Lê Chân | | | |
| Loại giao dịch: Chuyển tiền đi (BP) Số tiền giao dịch: 2.640.000 VND Bằng chữ: Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn VND Nội dung: Cty TNHH TM và DV Trường Phi thanh toán tiền đặt in hóa đơn GTGT | | | Số tham chiếu đi: 2111OTT171015430 | | |
| Thông tin giao dịch | N/C | Số tiền | LTT | Ghi chú | |
| Chuyển tiền đi | C | 2.640.000 | VND | | |
| Tài khoản khách hàng | N | 2.656.500 | VND | 2111201007001 | |
| Thu phí chuyển tiền trong nước | C | 15.000 | VND | Mức phí[%] : .022 | |
| Vat | C | 1.500 | VND | Thuế suất[%] : .100 | |
| Khách hàng (Ký và ghi rõ họ tên) | Thủ quỹ | Giao dịch viên | Kiểm soát | Giám đốc | |

Biểu 16 Trích sổ Nhật kí chung

Công ty TNHH TM&DV Trường Phi

Mẫu số:S03a- DNN

Địa chỉ:số 3B/179 Lê Lai, NQ, HP

(Ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC

Ngày 26/08/2016 của bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | | Số tiền | |
|---------------|--------------|---|--------------------|------------|------------------------------|------------------------------|
| SH | NT | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | SDDK | | | | |
| | | | | | | |
| HD0432 | 13/12 | Mua dầu của cty TNHH Nam Việt chưa thanh toán | 154 133 | 331 | 1.136.364 113.636 | 1.250.000 |
| | ... | | ... | ... | | |
| HD0437 | 16/12 | Đặt in hóa đơn của cty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp | 642 133 | 331 | 2.400.000 240.000 | 2.640.000 |
| | | | | ... | | |
| PC394 | 18/12 | Thanh toán phí gửi xe cho cty TNHH Nam Việt | 331 | 111 | 8.000.000 | 8.000.000 |
| UNC | 21/12 | Thanh toán tiền cho cty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp | 331 | 112 | 2.640.000 | 2.640.000 |
| | | | | | | |
| | | Cộng phát sinh | | | <u>40.251.464.832</u> | <u>40.251.464.832</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 17: Trích sổ cái 331 của năm 2017

Công ty TNHH TM&DV Trường Phi

Mẫu số:S03b- DNN

Địa chỉ:số 3B/179 Lê Lai, NQ, HP.

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK:Phải trả người bán

Số hiệu : 331

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐU | Số tiền | |
|---------------|--------------|---|--------------------------|--------------------|------------------------------------|
| SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | <u>SDDK</u> | | | <u>183.576.486</u> |
| | | | | | |
| HD0432 | 13/12 | Mua dầu của cty TNHH Nam Việt | 154 133 | | 1.136.364 113.636 |
| | | | | | |
| HD0437 | 16/12 | Đặt in hóa đơn của cty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp | 642 133 | | 2.400.000 240.000 |
| | | | | | |
| PC394 | 18/12 | Thanh toán phí gửi xe cho cty TNHH Nam Việt | 111 | 8.000.000 | |
| UNC | 21/12 | Thanh toán tiền cho cty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp | 112 | 2.640.000 | |
| | | | | | |
| | | Số phát sinh | | 617.523.420 | 548.660.249 |
| | | <u>SDCK</u> | | | <u>114.713.315</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 18 Sổ chi tiết phải trả người bán:

Đơn vị: Công ty TNHH TM và DV Trường Phi
 Địa chỉ: số 3B/179, Lê Lai, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S13 – DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: công ty TNHH Nam Việt

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐ Ư | Thời hạn C/K | Số phát sinh | | Số dư | |
|-------|----------|-------|---|----------|--------------------|--------------------|-------------------|-------|--------------------------|
| | Số hiệu | NT | | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | <u>SDDK</u> | | | | | | <u>41.158.692</u> |
| | | | | | | | | | |
| 05/12 | HD0396 | 05/12 | Mua dầu của cty TNHH Nam Việt | 154 | | | 22.045.455 | | 39.896.732 |
| | | | | 133 | | | 2.204.545 | | 42.101.277 |
| | | | | | | | | | |
| 13/12 | HD0432 | 15/12 | Mua dầu của công ty TNHH Nam Việt | 154 | | | 1.136.364 | | 33.750.455 |
| | | | | 133 | | | 113.636 | | 33.864.091 |
| | | | | | | | | | |
| 18/12 | PC394 | 18/12 | Thanh toán tiền cho công ty TNHH Nam Việt | 111 | | 8.000.000 | | | 24.120.218 |
| | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | | 102.499.730 | 83.067.584 | | |
| | | | <u>SDCK</u> | | | | | | <u>21.726.546</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Trang Giang Nhàn

Địa chỉ: số 18/81 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S13 – DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp

Năm 2017 Đơn vị tính: Đồng

| NTGS | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Thời hạn C/K | Số phát sinh | | Số dư | |
|-------|----------|-------|--|-------|--------------|-------------------|-------------------|-------|--------------------------|
| | Số hiệu | NT | | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | <u>SDDK</u> | | | | | | <u>13.532.208</u> |
| | | | | | | | | | |
| 16/12 | HD0437 | 16/12 | Đặt in hóa đơn của cty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp | 642 | | | 2.400.000 | | 18.267.610 |
| | | | | 133 | | | 240.000 | | 18.507.610 |
| 21/12 | UNC | 21/12 | Thanh toán tiền cho cty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp | 112 | | 2.640.000 | | | 15.867.610 |
| | | | | | | | | | |
| 23/12 | HD0447 | 23/12 | Thanh toán tiền cho cty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp | 112 | | | 5.320.632 | | 11.307.524 |
| | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | | 59.906.813 | 54.785.330 | | |
| | | | <u>SDCK</u> | | | | | | <u>8.410.725</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 19: Trích bảng tổng hợp phải trả người bán

Đơn vị: Công ty TNHH TM và DV Trường Phi
Địa chỉ: 3B/179 Lê Lai, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S13 – DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN
Tài khoản: Phải trả người bán
Năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

| Tên khách hàng | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh trong kỳ | | Số dư cuối kỳ | |
|--|--------------|--------------------|-----------------------|--------------------|---------------|--------------------|
| | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| Công ty TNHH Nam Việt | | 41.158.692 | 102.499.730 | 83.067.584 | | 21.726.546 |
| Công ty CP bao bì đồ họa chuyên nghiệp | | 13.532.208 | 59.906.813 | 54.785.330 | | 8.410.725 |
| Công ty CP TM&DV Thu Nga | | 122.380.000 | 97.125.330 | 42.604.579 | | 67.859.249 |
| Công ty CP TM Thịnh Hưng | | - | 57.412.300 | 64.535.000 | | 7.122.700 |
| | | | | | | |
| Tổng cộng | | 183.576.486 | 617.523.420 | 548.660.249 | | 114.713.315 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Tài liệu kế toán 2017 của công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi)

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG PHI

3.1. Đánh giá thực trạng thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi

Trong giai đoạn hiện nay, những biến động từ nền kinh tế thị trường đã và đang làm ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của của rất nhiều doanh nghiệp. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi cũng chịu những tác động tương đối lớn, nhưng với kinh nghiệm và khả năng lãnh đạo của ban giám đốc công ty, cũng như sự đoàn kết, năng động, sáng tạo, nhiệt huyết của đội ngũ công nhân viên đã giúp công ty đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tin tưởng, tín nhiệm.

Qua khoảng thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi, em nhận thấy rằng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng của công ty có những ưu điểm và hạn chế sau.

3.1.1. Ưu điểm

Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức hợp lý với sự phân công nhiệm vụ rõ ràng. Đội ngũ kế toán có trình độ nghiệp vụ, có kinh nghiệm, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời.

Về hệ thống sổ sách: Công ty áp dụng hình thức sổ sách kế toán Nhật kí chung. Hình thức này tương đối đơn giản, dễ hiểu, dễ thu nhận và xử lý thông tin, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ, điều kiện kĩ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty.

Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ: Kế toán đã áp dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính ban hành. Quy trình luân chuyển chứng từ hợp lý và hiệu quả. Việc tổ chức, lưu trữ chứng từ khoa học, đầy đủ, có hệ thống khiến việc kiểm soát được dễ dàng, chính xác.

Về hệ thống tài khoản: Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản đúng theo

Thông TT 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ Tài Chính.

Về hạch toán kế toán thanh toán: Công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn thực hiện kịp thời vì công ty sử dụng sổ chi tiết để theo dõi công nợ của các đối tượng: người mua và người bán. Việc theo dõi chi tiết giúp cho việc hạch toán tổng hợp được nhanh chóng kịp thời. Kế toán có thể cung cấp cho nhà quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, còn nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính của công ty và hoạch định chiến lược phù hợp với công ty.

Phương thức thanh toán được áp dụng trong công ty khá đa dạng như: tiền mặt, chuyển khoản....., tùy theo đối tượng khách hàng và đặc điểm riêng của đơn hàng mà công ty sẽ áp dụng các phương thức thanh toán khác nhau.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nổi trội của công ty song đối với tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán, công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Trường Phi vẫn đang tồn tại một số thiếu sót cần được khắc phục .

- ✓ Việc quản lý công nợ là một khâu cần thiết đối với sự tồn tại và phát triển của công ty. Tuy nhiên công ty chưa có biện pháp quản lý công nợ hiệu quả nên vẫn còn nhiều khách hàng thanh toán chậm thời hạn. Vì vậy công ty cần tăng cường quản lý công nợ chặt chẽ để đảm bảo khách hàng thanh toán đúng thời hạn.
- ✓ Trong công tác kế toán thanh toán, công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm. Vì vậy chưa khuyến khích được khách hàng trong việc thanh toán công nợ cho công ty sớm đã làm ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn lưu động của công ty.
- ✓ Hiện công ty có một số khách hàng nợ quá hạn nhưng công ty chưa lập đủ dự phòng phải thu khó đòi dẫn đến ảnh hưởng không tốt đến tình hình tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và từ đó ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh của công ty.
- ✓ Công ty chưa áp dụng các phần mềm kế toán trong công tác hạch toán mà vẫn sử dụng excel để làm việc dẫn đến công việc kế toán còn mất

nhiều thời gian và sai sót.

3.2. Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi.

Nền kinh tế thị trường đang mở ra rất nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển, nhưng bên cạnh đó tồn tại không ít khó khăn và thách thức. Để có thể cạnh tranh với đối thủ trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi cơ chế quản lý đã không còn phù hợp. Nếu doanh nghiệp điều phối tốt, biết khắc phục và hạn chế những khó khăn thì sẽ tạo đà cho doanh nghiệp đó phát triển và bền vững hơn, tiến đến hòa nhập với sự phát triển của thế giới. Trong những năm gần đây, nước ta đã không ngừng đẩy mạnh hoàn thiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam nhằm giảm bớt khoảng cách khác biệt giữa kế toán Việt Nam với kế toán thế giới, tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển.

Vì vậy, công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi cũng cần phải thay đổi một vài phương pháp hạch toán kế toán để phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán mới ban hành và cũng là tự tạo cơ hội cho mình nhanh chóng hòa nhập với sự phát triển của xã hội.

3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.

Để hoàn thiện tổ chức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi thì các phương hướng và biện pháp đưa ra cần phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán phải dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin về kế toán mới nhất quán, việc kiểm tra, kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập nên dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định sẽ giúp cho việc thu thập các thông tin kế toán có chất lượng và khoa học giúp cho quá trình phân tích đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của

công ty được thực hiện một cách tốt nhất.

-Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán phải đảm bảo việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời phản ánh các hoạt động tài chính của công ty, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ ko cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị nội bộ trong công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Nếu thông tin không được cung cấp kịp thời có thể ảnh hưởng đến việc xử lý tình huống cần thiết bất ngờ trong doanh nghiệp, còn các đối tượng quan tâm bên ngoài doanh nghiệp như: ngân hàng, nhà đầu tư nếu như không được cung cấp thông tin kịp thời có thể công ty sẽ mất đi cơ hội đầu tư và đồng thời để lại ấn tượng không tốt cho bên đối tác, điều đó sẽ làm ảnh hưởng lớn tới việc kinh doanh sau này của công ty.

-Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán muốn thực hiện được cần đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Bất kì một giải pháp nào đưa ra cũng phải tính tới những chi phí bỏ ra như: chi phí cho lương nhân viên, chi phí tài chính....., và những hiệu quả mang lại khi áp dụng giải pháp đó. Bởi khi nào hiệu quả lớn hơn chi phí đã bỏ ra thì phương án đó mới được thực hiện.

3.2.2.Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán với người mua, người bán tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi.

3.2.2.1. Giải pháp 1: Tăng cường quản lý công nợ

➤ Lập hồ sơ theo dõi khách hàng

Tất cả hồ sơ của khách hàng đều được trình bày một cách khoa học và cập nhật liên tục giúp người quản lý nắm bắt được đầy đủ về thông tin của từng khách hàng. Sau đây em xin đề xuất một số mẫu hồ sơ theo dõi khách hàng giúp công ty thực hiện tốt việc theo dõi thông tin của tất cả các khách hàng để việc quản lý công nợ trở nên dễ dàng hơn.

HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng

Tên viết tắt.....

Địa chỉ

Điện thoại..... Số Fax (*Fax No.*)

Địa chỉ thư điện tử.....

Loại hình đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty TNHH...)

.....

Ngành nghề đăng ký kinh doanh

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã doanh nghiệp).....

Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp

Mã số thuế.....

Tài khoản ngân hàng

Người đại diện theo pháp luật.....ĐT

Người giao dịch.....ĐT

Ví dụ: Hồ sơ theo dõi khách hàng

HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng: CONG TY TNHH công nghệ thực phẩm Kicofood

Tên viết tắt: KICOFOOD

Địa chỉ: Số 46 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3848.8856 Số Fax (*Fax No.*)

Địa chỉ thư điện tử.....

Loại hình đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty TNHH...): Công ty TNHH

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: thương mại

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã doanh nghiệp): 0820043000165.....

Ngày cấp...24/02/2016Nơi cấp: Chi cục thuế quận Tân Bình.....

Mã số thuế: 0313659016

Tên ngân hàng: Ngân hàng Vietcombank – HCM.....

Số tài khoản: 0110125002254

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Thị HuệĐT: 09047508968

Người giao dịch: Nguyễn Thị Thanh.....ĐT: 0121370599.....

➤ **Giải pháp về việc đối chiếu công nợ định kì:**

Đối chiếu công nợ định kì diễn ra vào cuối tháng nhằm giúp cho công ty quản lý chặt chẽ, không bỏ sót các khoản nợ đối với người mua, người bán và theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc các khoản nợ phải thu nhằm thu hồi vốn sớm nhất đồng thời có kế hoạch thanh toán các khoản nợ phải trả tránh để nợ quá hạn.

Với công nợ phải trả công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo bên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau.

CÔNG TY...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, Ngày tháng năm

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày...tháng...năm... Tại văn phòng Công ty..., chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): **CÔNG TY TNHH TM VÀ DV TRƯỜNG PHI**

- Địa chỉ: 3B/179, Lê Lai, Ngô Quyền, HP.
- Điện thoại: 0225.3.767.477 Fax:
- Đại diện: Nguyễn Văn Thường Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (Bên mua):.....

- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....Fax:.....
- Đại diện:.....Chức vụ:.....

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau :

Công nợ đầu kì:.....đồng

Số phát sinh trong kì:

| Ngày tháng | Số hóa đơn | Tiền hàng | Tiền thuế | Thành tiền |
|------------|------------|-----------|-----------|------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

3. Số tiền bên B đã thanh toán:.....đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày.....bên B phải thanh toán cho Công ty TNHH TM và DV Trường Phi số tiền là:.....

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH TM và DV Trường Phi không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Ví dụ: Biên bản đối chiếu công nợ cty TNHH xây dựng Tân Minh.

**CÔNG TY TNHH
TM VÀ DV TRƯỜNG
PHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, Ngày 31 tháng 08 năm 2017

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày 31 tháng 08 năm 2017 Tại văn phòng Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi, chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): CÔNG TY TNHH TM và DV Trường Phi

- Địa chỉ: Số 3B/179, Lê Lai, Ngô Quyền, HP
- Điện thoại: 0225.3.767.477 Fax:
- Đại diện: Nguyễn Văn Thường Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (Bên mua): Công ty TNHH xây dựng Tân Minh

- Địa chỉ: Số 46/124 Ngô Quyền, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
- Điện thoại: 0225.3.871.416 Fax:
- Đại diện: Phạm Thu Hương Chức vụ: Quản lý xuất nhập hàng

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau:

Công nợ đầu kì: 42.360.000 đồng

Số phát sinh trong kì:

| Ngày tháng | Số hóa đơn | Tiền hàng | Tiền thuế | Thành tiền |
|------------|------------|------------|-----------|------------|
| 18/08 | 0000247 | 25.000.000 | 2.500.000 | 27.500.000 |

3. Số tiền bên B đã thanh toán: 27.500.000 đồng

Kết luận: Tính đến hết ngày 31/08 bên B phải thanh toán cho Công ty TNHH TM và DV Trường Phi số tiền là: 42.360.000 đồng.

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH TM và DV Trường Phi không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

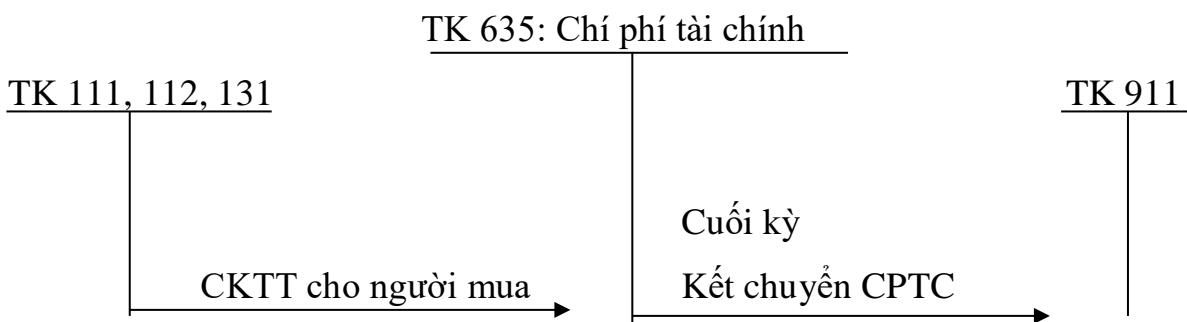
3.2.2.2 Giải Pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Hiện nay tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán nợ trước hạn. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thu hồi vốn được nhanh, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán chưa có quy định thống nhất của Bộ Tài Chính. Vì vậy, mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty dựa trên tình hình của công ty, lãi suất tiền gửi thanh toán tại ngân hàng doanh nghiệp mở tài khoản và cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán phải được ghi nhận cụ thể trong hợp đồng kinh doanh được kí kết giữa 2 bên, đây cũng là điều kiện cần và đủ để làm căn cứ thực hiện chiết khấu thanh toán đối với mỗi khách hàng.

- Tài khoản sử dụng: TK 635: Chi phí tài chính



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán

- Phương pháp hạch toán
- Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131, 111, 112,...

- Cuối kì kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

- Năm 2017, doanh nghiệp chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng Agribank. Tại thời điểm này mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng Agribank năm 2017 là 6,6% / năm, mức lãi suất cho vay là 10%/ năm.

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán là 8.5%/ năm dựa theo lãi suất ngân hàng Agribank.

➤ Chiết khấu thanh toán được hưởng = Tổng số tiền thanh toán trước hạn x Tỷ lệ chiết khấu x Số ngày thanh toán trước hạn.

Ví dụ minh họa

Ngày 15/ 08/ 2017 vận chuyển hàng cho cty TNHH An Minh số tiền 143.000.000 VNĐ (cả VAT 10%), chưa thu tiền.

Định khoản:

Nợ TK 131: 143.000.000

Có TK 511: 130.000.000

Có TK 3331: 13.000.000

Ngày 22 /08/ 2017 cty TNHH An Minh đã thanh toán toàn bộ 100% tiền hàng mua ngày 15/ 08/ 2017, mặc dù theo hợp đồng ngày 06/09/2017 cty TNHH An Minh mới phải thanh toán tiền hàng. Cty An Minh đã thanh toán trước 15 ngày. Kế toán tính chiết khấu thanh toán cty An Minh như sau:

$$\Rightarrow \text{Tiền chiết khấu} = (8.5\% / 360) \times 15 \times 143.000.000 = 506.458$$

Định khoản:

Nợ TK 635: 506.458

Có TK 111: 506.458

3.2.2.3 .Giải pháp 3: Dự phòng phải thu khó đòi.

Hiện nay, chiếu theo điều kiện của việc lập dự phòng phải thu khó đòi, công ty TNHH TM và DV Trường Phi chưa khai lập dự phòng. Nhưng để kiểm soát được nguồn tài chính của công ty, tránh được tổn thất do các khoản nợ khó đòi có thể xảy ra. Sau đây em xin đưa ra một số các điều kiện cũng như cách thức lập phòng phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước như sau :

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Tác dụng dự phòng phải thu khó đòi: việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất về khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, đảm bảo cho công ty phản ánh đúng giá trị các khoản nợ phải thu tạ thời điểm lập báo cáo tài chính.

Về cơ sở pháp lý của việc lập dự phòng: Kế toán căn cứ vào thông tư TT228/2009TT-BTC ban hành 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Điều kiện lập dự phòng: Doanh nghiệp có thể lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản nợ có điều kiện như sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ bao gồm: Hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi doanh nghiệp có thể áp dụng như sau:

Trước hết doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra và tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng tới dưới 1 năm
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ thu quá hạn từ 1 năm tới dưới 2 năm
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ thu quá hạn từ 2 năm tới dưới 3 năm
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên.

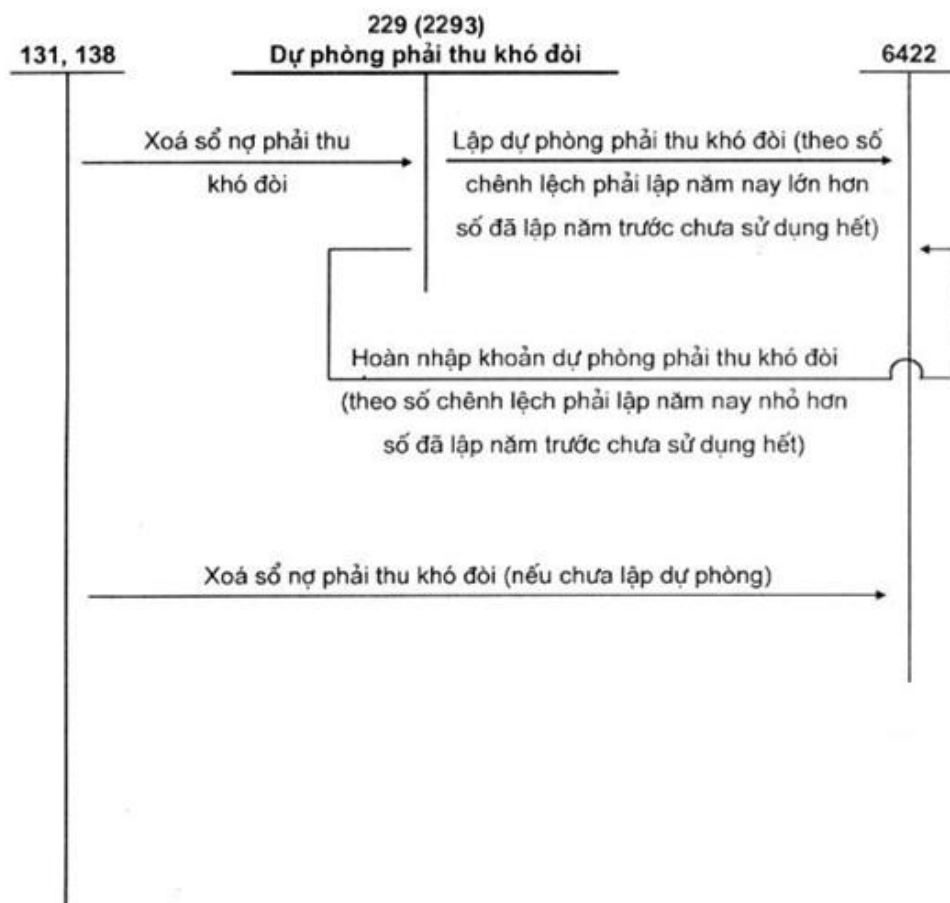
- Đối với khoản nợ thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.... thì doanh nghiệp dự tính mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- **Tài khoản sử dụng:** TK 229 : Dự phòng tổn thất tài sản.

TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi.

- **Kết cấu tài khoản:**

| Bên Nợ | Bên Có |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kì này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kì trước, chưa sử dụng hết. - Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất đã xảy ra. - Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thu thu hồi được phải xóa sổ. | <ul style="list-style-type: none"> - Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm báo cáo tài chính. |
| | <p><u>Số dư bên có:</u> số dự phòng tổn thất tài sản hiện có ở cuối kỳ.</p> |



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi theo TT 133

(Nguồn: Thông tư 133/2016/TT-BTC)

Biểu số 20: Báo cáo tình hình công nợ năm 2017

Đơn vị : Công ty TNHH TM và DV Trường Phi

Địa chỉ: số 3B/179, Lê Lai, Ngô Quyền, HP

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2017

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Tên công ty | Công nợ với KH | Thời hạn thanh toán | Thời gian quá hạn | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------------|--------------------------|----------------|
| 1 | Công ty CP XD Trường An | 25.070.000 | 25/01/2017 | 11 tháng 6 ngày | |
| 2 | Công ty TNHH Xuân Thu | 16.450.200 | 01/02/2017 | 11 tháng | |
| 3 | Công ty TNHH CNTP Kicofood | 274.858.723 | | | |
| 4 | Công ty TNHH An Minh | 197.238.570 | | | |
| | | | | | |
| | Tổng cộng | 896.734.512 | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 21: Bảng trích lập dự phòng năm 2017

Đơn vị : Công ty TNHH TM và DV Trường Phi

Địa chỉ : số 3B/179, Lê Lai, Ngô Quyền , HP

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

| STT | Tên công ty | Công nợ với KH | Thời gian quá hạn | Mức trích lập | Số tiền | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------------------|-------------------|---------------|-------------------|---------|
| 1 | Công ty CP XD Trường An | 25.070.000 | 11 tháng 6 ngày | 30% | 7.521.000 | |
| 2 | Công ty TNHH Xuân Thu | 16.450.200 | 11 tháng | 30% | 4.935.060 | |
| | Tổng cộng | 41.520.200 | | | 12.456.060 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Định khoản đối với bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi :

Nợ TK 6422 : 12.456.060

Có TK 2293 : 12.456.060

3.2.2.4. Giải pháp 4: Sử dụng phần mềm kế toán và quản lý khách hàng.

Phần mềm kế toán là một hệ thống được tổ chức dưới dạng chương trình máy tính dùng để xử lý tự động các thông tin trên máy vi tính, là một công cụ ghi chép lưu trữ, tính toán và tổng hợp trên cơ sở các dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc. Nó phải đáp ứng các nhu cầu quản trị kế toán của doanh nghiệp cũng như đáp ứng các quy định về sổ sách kế toán của nhà nước.

Một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là bạn sẽ không phải tốn quá nhiều thời gian giống như khi sử dụng hệ thống kế toán cũ. Kế toán là một quá trình chi tiết, nó liên quan đến các quy định luật lệ, thuế

và nhiều tính toán phức tạp khác. Một phần mềm đã được thiết kế phù hợp với quy định, luật lệ, thuế... hiện hành sẽ giúp doanh nghiệp luôn tuân thủ với pháp luật. Hơn nữa, nó giúp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp. Điều doanh nghiệp cần làm là nhập dữ liệu và in ra.

Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán có những ưu điểm sau:

- **Ít tốn thời gian:** đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

- **Chính xác:** chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.

- **Dễ sử dụng:** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng.

- **Lập báo cáo:** Một trong những điều tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kì theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vài giây, đây là một bước cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng lập BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, hàng tuần hoặc hàng tháng.

- **Công nợ:** Quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn.

Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tinh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo

đổi, báo cáo công nợ trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch, mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm,... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng theo dõi công nợ của khách hàng này đến từ những đơn hàng nào, chi tiết ra sao. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng excel khi người quản lý muốn in tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý.

Cần lập ra một danh sách tất cả các nhu cầu cần thiết của công ty và tìm kiếm phần mềm kế toán phù hợp và nó sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm rất nhiều thời gian.

Ở trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như: MISA, FAST, CYBER, ACOUING, ASOFT, ADSOFT... Công ty nên cân nhắc và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho tổ chức kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Đối với một doanh nghiệp quy mô nhỏ như công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi có thể sử dụng các phần mềm kế toán như sau:

- Phần mềm kế toán Fast Accounting

- Phần mềm kế toán Misa

.....

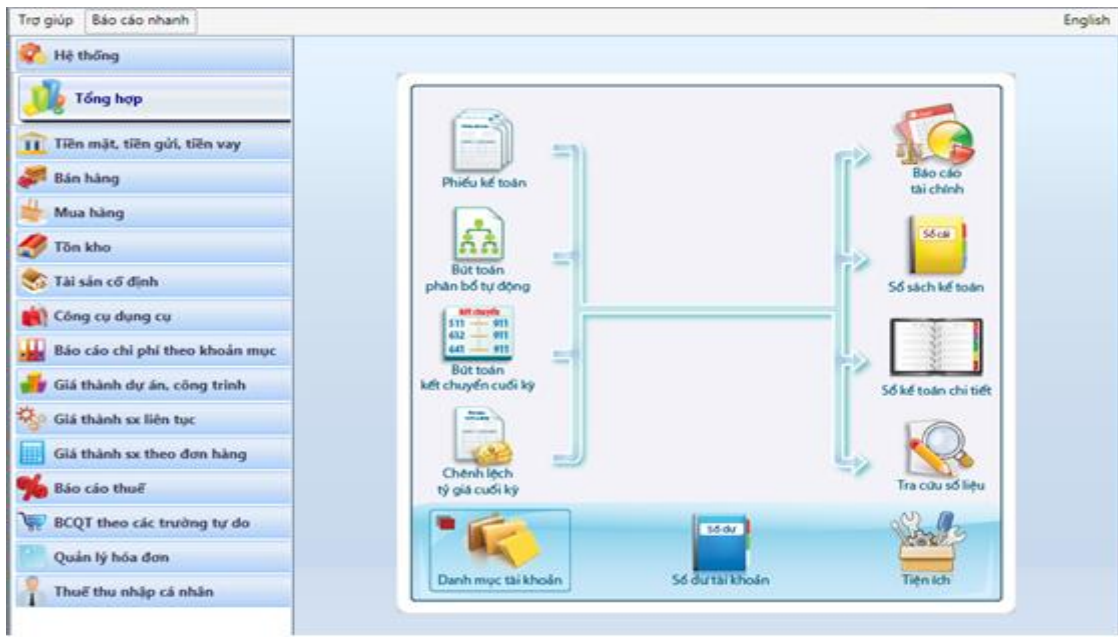
Phần mềm kế toán Misa: [http:// www.misa.com.vn/](http://www.misa.com.vn/)



Chức năng:

MISA SNE.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân hàng, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.



Chức năng:

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều loại ngoại tệ. Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

Fast Accounting tập trung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất.

Có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả phục vụ tốt tổ chức kế toán quản trị.

Hai phần mềm trên đều phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời là công cụ đắc lực trong công tác kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

Để có thể thuận lợi cho việc cài đặt phần mềm kế toán doanh nghiệp nên trong bộ cho phòng kế toán đầy đủ máy tính có cấu hình phù hợp và có kết nối mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán viên tìm hiểu sử dụng phần mềm mà công ty sẽ sử dụng.

KẾT LUẬN

Hiện nay quản lý tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán vẫn luôn là vấn đề khiến những người làm sản xuất và kinh doanh phải bận tâm, làm thế nào để giải quyết được các vấn đề như thu hồi công nợ đúng, kịp thời và ngăn ngừa được những rủi ro tiềm ẩn có thể dẫn đến tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi mà vẫn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa hai bên... Vì vậy việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán nhằm quản lý tốt công nợ luôn được các doanh nghiệp chú trọng giải quyết.

Đề tài “**Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trường Phi**” đã hệ thống hóa lý luận chung về kế toán thanh toán trong các doanh nghiệp, mô tả được thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi và đưa ra được một số kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán. Tăng cường quản lý công nợ, áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trích lập dự phòng phải thu khó đòi và đưa các phần mềm kế toán vào sử dụng.

Dựa trên cơ sở đưa ra các ưu, nhược điểm trong tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi, bài viết đã đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nói trên tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi như sau:

- Kiến nghị tăng cường quản lý công nợ như lập hồ sơ theo dõi khách hàng,...
- Kiến nghị về áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán
- Kiến nghị về việc lập dự phòng phải thu khó đòi
- Kiến nghị về áp dụng phần mềm kế toán trong tổ chức kế toán.

Sau quá trình nghiên cứu tại trường và một thời gian thực tập tại công ty TNHH TM và DV Trường Phi đã giúp em hiểu rõ hơn về những lý luận đã học, đồng thời biết được việc ứng dụng lý luận đó vào thực tế như thế nào. Tuy nhiên, với thời gian và kiến thức còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót nên em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo và các anh chị kế toán viên để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin cảm ơn cô giáo **Th.S Trần Thị Thanh Phương** cùng các anh chị làm việc tại phòng kế toán công ty TNHH TM và DV Trường Phi đã nhiệt tình giúp đỡ và hướng dẫn em trong việc hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Loan (2011), *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân.
2. Bộ Tài Chính (2016), *Thông Tư 133*, Nhà xuất bản tài chính.
3. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phi (2017), *Tài liệu kế toán*.